Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Tổ: Ngữ Văn
GV: Nguyễn Thị Nên
Ngày soạn: 08/02/2026
Thời gian thực hiện:
+ Lớp: 11/13; 11/2 (Tuần 23, 24, 25, 26)

BÀI 7. GHI CHÉP VÀ TƯỞNG TƯỢNG TRONG KÍ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Trích, Hoàng Phủ Ngọc Tường)

VB2: *"Và tôi vẫn muốn mẹ..."* (Trích *Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em,* Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích (Svetlana Alexievich))

VB3: *Cà Mau quê xứ* (Trích *Uống cà phê trên đường của Vũ,* Trần Tuấn)

Thực hành đọc: Cây diêm cuối cùng (Trích *Chuyện trò* – Cao Huy Thuần)

2. Thực hành tiếng Việt: Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng (tiếp theo)

3. Viết: Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

4. Nói và nghe: Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* - **HS biết đọc hiểu văn bản kí** + Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí. + Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

	- **HS hiểu được hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ** thông thường, vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật. - **HS biết viết bài thuyết minh** về một hiện tượng xã hội đáng quan tâm, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - **HS biết thảo luận, tranh luận** về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
II. PHẨM CHẤT Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu về kí, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 67,68,69

VĂN BẢN 1: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

(Trích)

Hoàng Phủ Ngọc Tường

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một tác phẩm kí theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Nắm được những kiến thức về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và tác phẩm kí: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

2. Phẩm chất. Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: Tham gia tuor du lịch *"Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật"* (Phần I) và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - **GV cử một HS làm MC giới thiệu** tour du lịch: "Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật" (Phần I) qua các video ngắn sau: + https://youtu.be/2DHeMb9NL1Q + Video chạy ảnh về sông Hương có kèm bài hát *Tác phẩm "Sông Hương ở xứ Huế" của Charles Ulmann, vẽ năm 1907*	- Lời giới thiệu của MC - Câu trả lời của HS

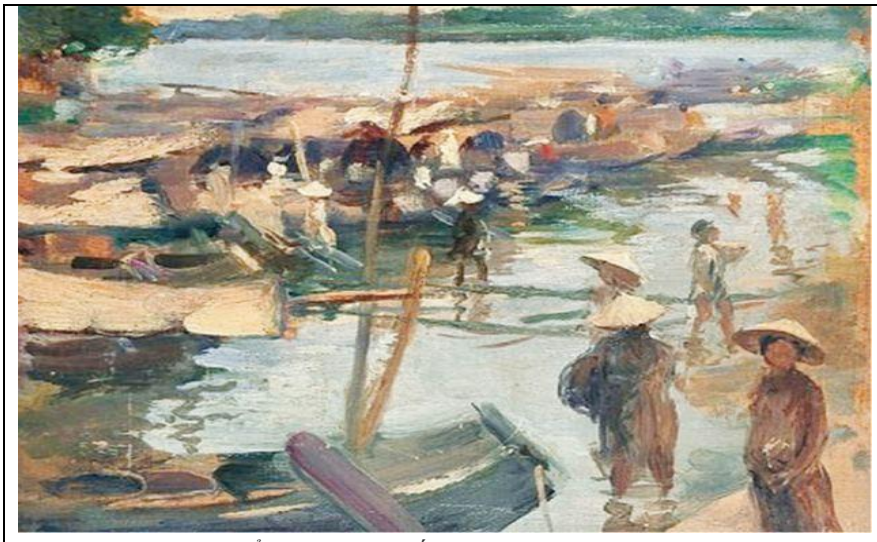

Tác phẩm "Chợ bên bến sông" của Victor Tadrdieu

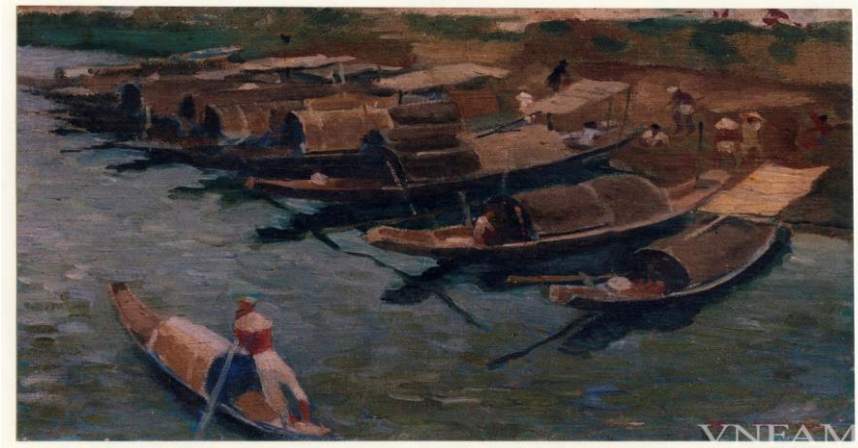

Tác phẩm "Thuyền trên sông Hương", Tô Ngọc Vân

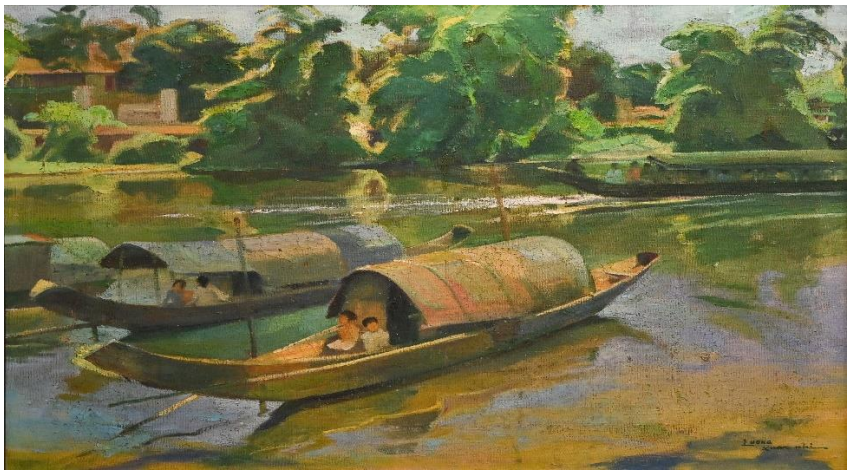

Tác phẩm "Buổi sáng trên sông Hương", Lương Xuân Nhị

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV xuất hiện sau lời giới thiệu của MC và đưa ra lời nhận xét, đánh giá.

+ Video đầu tiếp cận và thể hiện vẻ đẹp dòng sông Hương ở góc độ nghiên cứu, văn học, điện ảnh.

+ Video thứ 2 tiếp cận và thể hiện vẻ đẹp dòng sông Hương ở góc nhìn của âm nhạc và hội họa.

- GV dẫn vào bài: Sông Hương, từ lâu đã trở thành biểu tượng của xứ kinh kỳ, dòng chảy kết nối quá khứ vàng son và nhịp sống hiện tại; đồng thời cũng là chứng nhân qua bao thăng trầm lịch sử và là nơi tìm về của những tâm hồn yêu thích sự sâu lắng, nhẹ nhàng. Ngày hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng đến với "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" của Hoàng Phủ Ngọc Tường để cảm nhận sâu sắc hơn những "biến ảo nghệ thuật" của sông Hương.	

Kịch bản phần I của MC

Lời chào và giới thiệu tour du lịch

Chào mừng thầy cô và các bạn học sinh lớp ... đã có mặt trong chuyến du lịch "Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật" ngày hôm nay. Em xin tự giới thiệu, em tên là ... Em sẽ đồng hành cùng với thầy cô và các bạn trong tour du lịch thú vị này ạ!

Các thầy cô và các bạn học sinh thân mến! Không biết từ bao giờ, sông Hương không chỉ là một điểm nhấn du lịch mà còn là biểu tượng, niềm tự hào của mỗi người con xứ kinh kỳ. Vậy dòng Hương giang được bắt nguồn từ đâu? Vì sao dòng sông có tên gọi mang theo danh thơm muôn thuở "Sông Hương"? Vì sao sông Hương lại trở thành nguồn cảm hứng vô tận của các nghệ sĩ? Sau đây xin kính mời các thầy cô và các bạn tham gia phần I của tuor du lịch qua 2 video ngắn sau đây!

+ https://youtu.be/2DHeMb9NL1Q

+ Video chạy ảnh về sông Hương có kèm bài hát

Đặt câu hỏi

Sau khi được trở về với không gian của sông Hương qua hai video ngắn, các bạn hãy cho biết: sự khác nhau trong cách tiếp cận và thể hiện khi cùng khám phá vẻ đẹp dòng sông Hương của các tác giả.

Mời trả lời (2-3 bạn)

Giới thiệu cô giáo

Xin cảm ơn sự chia sẻ của các bạn. Và để giúp các bạn nhận thấy rõ hơn sự khác nhau trong cách tiếp cận và thể hiện vẻ đẹp dòng sông Hương ở mỗi loại hình nghệ thuật khác nhau, sau đây em xin được trân trọng giới thiệu thầy/cô ... sẽ tiếp tục đồng hành với lớp chúng ta trong chuyến du lịch độc đáo hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại kí; yếu tố tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn; yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

b. Nội dung hoạt động: Đọc và thu thập thông tin.

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn**

- GV nêu yêu cầu: Đọc bảng kiểm sau và cho biết những đơn vị kiến thức nào đã có trong phần Tri thức Ngữ văn; những đơn vị nào chưa có; những đơn vị nào có trong phần Tri thức Ngữ văn nhưng chưa có trong bảng kiểm.

Đơn vị kiến thức	Đã có	Chưa có
Kí là tên gọi một nhóm cá thể/ tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin, ... nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.		
Tùy bút so với bút kí thì tự do và trữ tình hơn. Nhà văn tùy theo ngọn bút đưa đi, từ sự việc này đến sự việc kia, từ liên tưởng này đến liên tưởng khác để bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ của cá nhân.		
Tản văn là một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình, có thể còn kết hợp nghị luận, miêu tả ... nhằm thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống		
Trong tùy bút, tản văn, yếu tố tự sự và trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt, tùy vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng của sự quan sát, chiêm nghiệm và đặc điểm phong cách nghệ thuật của người viết.		
Truyện kí là một dạng truyện kể về người thật, việc thật. Tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể là đòi hỏi quan trọng hàng đầu đối với các sáng tác thuộc thể loại này. Vì điều đó, truyện kí được xếp vào loại văn học phi hư cấu.		
Ngôn ngữ trong tác phẩm kí mang đậm tính chủ thể, gắn liền với cá tính sáng tạo của tác giả.		

1. Kí

- **Khái niệm:** Kí là tên gọi một nhóm tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin, ... nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.

- Phân loại tiểu loại kí:
+ Tùy bút, tản văn, phóng sự
+ Kí sự, truyện kí, hồi kí, nhật kí, du kí

2. Tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn

	Tự sự	Trữ tình	Cái tôi tác giả
Tùy bút	Ít hơn	Nghiêng hẳn về trữ tình	Lấy cái tôi tác giả làm điểm tựa
Tản văn	Sử dụng đồng thời	Sử dụng đồng thời	Cái tôi tác giả hiện diện rõ nhưng tiết chế so với tùy bút

3. Phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

- Truyện kí là một dạng truyện kể về người thật, việc thật; là tiểu loại văn học phi hư cấu.
- Yếu tố hư cấu có hiện diện nhưng tiết chế, thể hiện ở sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật thích hợp. Yếu tố hư cấu còn được thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc Tri thức Ngữ văn thực hiện theo cặp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 01-02 HS trả lời
- HS khác bổ sung, nhận xét

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

Đơn vị kiến thức	Đã có	Chưa có
Kí là tên gọi một nhóm cá thể/ tiểu loại tác phẩm văn xuôi phi hư cấu có khả năng dung hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thông tin, ... nhằm tái hiện những trạng thái đời sống đang được xã hội quan tâm và bộc lộ trực tiếp những cảm nghĩ của tác giả.	x	
Tùy bút so với bút kí thì tự do và trữ tình hơn. Nhà văn tùy theo ngọn bút đưa đi, từ sự việc này đến sự việc kia, từ liên tưởng này đến liên tưởng khác để bộc lộ cảm xúc và suy nghĩ của cá nhân.		x
Tản văn là một tiểu loại kí thường sử dụng đồng thời cả yếu tố tự sự và trữ tình, có thể còn kết hợp nghị luận, miêu tả ... nhằm thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả về các đối tượng đa dạng trong đời sống	x	
Trong tùy bút và tản văn, yếu tố tự sự và trữ tình luôn có sự kết hợp linh hoạt, tùy vào ý tưởng trung tâm được triển khai, đối tượng của sự quan sát, chiêm nghiệm và đặc điểm phong cách nghệ thuật của người viết.	x	
Truyện kí là một dạng truyện kể về người thật, việc thật. Tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực của toàn bộ sự việc được kể là đòi hỏi quan trọng hàng đầu đối với các sáng tác thuộc thể loại này. Vì điều đó, truyện kí được xếp vào loại văn học phi hư cấu.	x	
Ngôn ngữ trong tác phẩm kí mang đậm tính chủ thể, gắn liền với cá tính sáng tạo của tác giả.		x

Cái tôi của tác giả kết hợp với mục đích viết, cách thức tổ chức các phương tiện biểu đạt quyết định các tiểu thể loại của kí	Đơn vị kiến thức chưa có trong bảng kiểm	
Tùy bút là tiểu loại kí có tính tự do cao, có bố cục linh hoạt, thường nghiêng hẳn về tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. Người viết sẽ tùy cảnh, tùy việc, tùy theo cảm hứng mà trình bày, nhận xét, đánh giá, suy tưởng	Đơn vị kiến thức chưa có trong bảng kiểm	

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường, tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Poster giới thiệu và phần thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm gồm 2 bàn HS quay vào nhau. - Giáo viên nêu yêu cầu: + Đọc SGK trang 40, kết hợp nghe video giới thiệu về Hoàng Phủ Ngọc Tường: https://youtu.be/X65BPNwdJmQ + Thiết kế một poster giới thiệu về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường trên giấy A3 hoặc trên phần mềm Canva **Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường** Năm sinh: 1937 Ngày mất: 24/7/2023 Quê quán: Quảng Trị Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật 2007 **Con người, cuộc đời:** - Thời kỳ 1960-1966: Dạy học tại trường Quốc Học Huế và rất tích cực tham gia vào các phong trào học sinh, sinh viên và giáo chức	**II. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường**

chống quân Mĩ - Ngụy đòi lại độc lập, thống nhất Tổ quốc.

- Thời kỳ 1966 – 1975: Tình nguyện rời xa gia đình và di chuyển lên các chiến khu để góp sức mình vào cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta bằng các hoạt động cách mạng trên mặt trận văn nghệ.

Từng là Tổng thư ký Hội văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, Chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Quảng Trị, Tổng biên tập tạp chí Cửa Việt

Sự nghiệp văn chương:

- Viết văn và viết báo từ khi còn rất trẻ. Hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1978

- **Thành công với thể loại bút ký**, tiêu biểu là:

+ Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu, 1971
+ Rất nhiều ánh lửa, 1979
+ Ai đã đặt tên cho dòng sông?, 1981
+ Bản di chúc của cỏ lau, 1984
+ Hoa trái quanh tôi, 1995
+ Huế - Di tích và con người, 1995
+ Rượu hồng đào chưa uống đã say, 2001

- **Thể loại thơ và nhàn đàm:**

+ "Những dấu chân qua thành phố", 1976
+ "Người hái phù dung", 1992
+ Nhàn đàm, 1997
+ Người ham chơi, 1998
+ Miền gái đẹp, 2001 (Tặng thưởng Văn học Hội Nhà văn Việt Nam 2001)

- **Phong cách nghệ thuật**: chất tài hoa, lịch lãm, cùng những suy tư sâu sắc về văn hóa, lịch sử; ngôn ngữ mềm mại, tinh tế, đầy những liên tưởng bất ngờ, tạo sự kết nối đa chiều với nhiều văn bản khác.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS giới thiệu poster và thuyết trình về tác giả Hoàng Phủ Ngọc

Phong cách nghệ thuật của HPNT: chất tài hoa, lịch lãm, cùng những suy tư sâu sắc về văn hóa, lịch sử; ngôn ngữ mềm mại, tinh tế, đầy những liên tưởng bất ngờ, tạo sự kết nối đa chiều với nhiều văn bản khác.

2. Tác phẩm "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		
Xuất xứ	Tập bút kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông?", 1984		
Thể loại	Bút kí (nghiêng về tùy bút)		
Bố cục văn bản	Ba phần		
Vị trí đoạn trích	Phần đầu		
Bố cục đoạn trích	**Phần 1**	Sông Hương ở thượng nguồn *"Trong những dòng sông đẹp ... Kim Phụng"*	**Sông Hương dưới góc nhìn địa lý**
		Sông Hương ở giữa đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế *"Phải nhiều thế kỉ qua đi ... tiếng gà..."*	
		Sông Hương trong lòng thành phố Huế *"Từ đây, như đã tìm đúng đường về ... xứ sở"*	
	Phần 2	Sông Hương trong dòng chảy lịch sử *"Hiển nhiên là sông Hương ... dòng sông"*	**Sông Hương dưới góc nhìn lịch sử, thơ ca**
		Sông Hương trong cảm hứng thơ ca *"Có một dòng thi ca ... dòng sông?"*	

Tường trước lớp.

- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức bằng poster

***Nhiệm vụ 2 : Đọc và tìm hiểu chung về văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu HS:

+ Đọc lướt văn bản, lựa chọn các thẻ tri thức đã cho, sắp xếp hợp lí vào bảng kiến thức.

+ Chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn.

Bảng kiến thức tìm hiểu chung

Ai đã đặt tên cho dòng sông?

Phương diện tìm hiểu	**Nội dung cụ thể**
Xuất xứ	
Thể loại	
Bố cục văn bản	
Vị trí đoạn trích	
Bố cục đoạn trích	

Thẻ tri thức:

1. Sông Hương ở thượng nguồn
2. Phần đầu
3. *"Trong những dòng sông đẹp ... Kim Phụng"*
4. *"Phải nhiều thế kỉ qua đi ... tiếng gà..."*
5. Tập bút kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"
6. Sông Hương trong lòng thành phố Huế
7. Sông Hương dưới góc nhìn lịch sử, thơ ca
8. *"Có một dòng thi ca ... dòng sông?"*
9. Bút kí (nghiêng về tùy bút)
10. *"Hiển nhiên là sông Hương ... dòng sông"*
11. Ba phần
12. Sông Hương trong dòng chảy lịch sử
13. 1984
14. Sông Hương dưới góc nhìn địa lý
15. *"Từ đây, như đã tìm đúng đường về ... xứ sở"*
16. Sông Hương trong cảm hứng thơ ca

17. Sông Hương ở giữa đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức - GV đọc mẫu một số đoạn tiêu biểu (Hoặc giới thiệu một clip đọc diễn cảm văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*) https://youtu.be/zYAeT2nPMPs	

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu trích đoạn *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút qua trích đoạn *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

- GV chia lớp thành 4 góc

Góc 1,2: Góc Địa lý

Góc 3: Góc Triết học và âm nhạc

Góc 4: Góc Lịch sử

Góc 5: Góc Thi ca

Góc 6: Góc Hội họa

- Mỗi góc có khoảng 6-7 HS tham gia.

HS lựa chọn các góc dựa vào năng lực

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ cho từng góc

Góc 1. Góc Địa lý

- Đọc đoạn văn "... Trong những dòng sông đẹp ... quê hương xứ sở".
- Hoàn thiện phiếu học tập số 1.

Phiếu học tập số 1

	Đặc tính tự nhiên của sông Hương	**Thông tin khách quan**	**Kỹ năng, phương thức biểu đạt được sử dụng**
Sông Hương ở thượng nguồn			
Sông Hương ở giữa đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế			
Sông Hương khi ở thành phố Huế			
Nhận xét chung về cách viết của HPNT			

- Vẽ sơ đồ về thủy trình của sông Hương trên giấy Ao

Góc 2. Góc Địa lý

- Đọc đoạn văn "... Trong những dòng sông đẹp ... quê hương xứ sở".
- Hoàn thiện phiếu học tập số 2

Phiếu học tập số 2

	Những hình ảnh so sánh, nhân hóa rất "người" của sông Hương	**Hiệu quả nghệ thuật**	**Kỹ năng, phương thức biểu đạt được sử dụng**
Sông Hương ở thượng nguồn			
Sông			

III. Khám phá văn bản

1. Sông Hương dưới góc nhìn địa lý

Thủy trình sông Hương	**Ghi chép về đặc tính tự nhiên của sông Hương**	**Yếu tố hư cấu, tưởng tượng**	**Nhận xét**
Sông Hương ở thượng nguồn	Dòng chảy mãnh liệt, cuộn xoáy; vừa dịu dàng, vừa say đắm giữa rừng già Trường Sơn	- Sông Hương là một bản trường ca của rừng già. - Sông Hương còn được nhân hóa và so sánh với cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại: "*Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di – gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do trong sáng.*" - Sông Hương *"mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở"*	- Với liên tưởng thú vị, độc đáo, so sánh và nhân hóa sông Hương giống như cô gái Bô-hê-miêng với tính cách mạnh mẽ, phóng túng, xinh đẹp, bí ẩn yêu thích ca hát, ưa thích cuộc sống tự do để khắc vào tâm trí bạn đọc ấn tượng mạnh về vẻ đẹp hoang dại nhưng cũng đầy tình tứ của dòng sông. - Nhân hóa sông Hương trở thành "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở" để muốn ghi công sông Hương như một "đấng sáng tạo" đã góp phần tạo nên, gìn giữ, bảo tồn văn hóa của một vùng thiên nhiên xứ sở - văn hóa Huế.
Sông Hương ở giữa đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế	- Sông Hương chảy qua cánh đồng Châu Hóa - Ra khỏi rừng núi, sông Hương chuyển dòng liên tục: Ngã Ba Tuần (Nam Bắc) -> điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản -> (Tây Bắc) vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán -> vẽ một hình cung thật tròn (Đông bắc), ôm lấy chân đồi Thiên Mụ -> Huế. - Vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, sắc nước xanh thẳm. - Trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững với những điểm cao	- Sông Hương là "người gái đẹp nằm ngủ mơ màng" - Sông Hương tiếp tục được nhân hóa trở thành người gái đẹp qua các động từ: uốn mình theo những đường cong; chuyển hướng; vẽ một hình cung ... - Hành trình về Huế được so sánh với cuộc tìm kiếm có ý thức của sông Hương. - Sông Hương mềm như tấm lụa.	- Sông Hương mang trong mình vẻ đẹp mơ màng nhuốm màu cổ tích, như nàng công chúa đang chìm trong giấc ngủ dài hàng thế kỉ nơi rừng sâu để chờ đợi chàng hoàng tử của đời mình đến đánh thức dậy. - Khi ra khỏi vùng rừng núi sông Hương đã bừng tỉnh, vươn mình trong sức sống trẻ trung nhiệt huyết và niềm khao khát thanh xuân, bởi hành trình về xứ Huế của sông Hương là "một cuộc tìm kiếm có ý thức", là hành trình trở về bên người tình mà sông Hương mong đợi. - Hành trình trở về với xứ Huế là "cái cớ" để sông Hương phô khoe tất cả các vẻ đẹp từ những đường cong tuyệt

Hương ở giữa đồng bằng và ngoại vi thành phố Huế			
Sông Hương trong lòng thành phố Huế			
Nhận xét về cảm xúc và cách viết của HPNT			

- Vẽ những hình ảnh so sánh, nhân hóa của sông Hương qua sự cảm nhận của HPNT trên giấy A6

Góc 3. Góc Triết học và Âm nhạc

- Đọc đoạn văn "Từ đây như đã tìm đúng đường về ... Tứ đại cảnh".
- Tìm hiểu tư tưởng triết học được nhà văn thể hiện trong dòng chảy của sông Hương.
- Chỉ rõ mối quan hệ giữa sông Hương và nền âm nhạc cổ điển của xứ Huế. Liệt kê một số nhạc phẩm viết về sông Hương và chỉ rõ vẻ đẹp độc đáo của sông Hương trong 01 hoặc một vài nhạc phẩm mà nhóm yêu thích.
- Chọn hát một bài hát về sông Hương.

Góc 4. Góc Lịch sử

- Đọc đoạn văn "... Hiển nhiên là sông Hương đã sống ... khuôn mặt thực của dòng sông ..."
- Hoàn thiện phiếu học tập số 4.

Phiếu học tập số 4

Sông Hương qua các giai đoạn lịch sử của đất nước	Thông tin khách quan	Kỹ năng sử dụng

Góc 5. Góc Thi ca

- Đọc đoạn văn "Có một dòng thi ca về sông Hương ...", tìm hiểu thêm các tác phẩm thi ca viết về sông Hương trên Internet và các sách tham khảo.
- Hoàn thiện phiếu học tập số 3

Phiếu học tập số 5

	như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo - Sông Hương chảy qua rừng thông u tịch với những lăng tẩm của vua chúa và mang vẻ đẹp trầm mặc, cổ kính.		mỹ trên thân hình mềm mại, kiều diễm cho đến những yếm âu, nồng nàn trong tâm hồn của người con gái đang khao khát đắm say.
Sông Hương khi ở thành phố Huế	- Sông Hương chảy qua vùng ngoại ô Kim Long, đi thẳng theo hướng Tây Nam- Đông Bắc về Huế. - Khi tới Cồn Giã Viên, sông Hương uốn nhẹ sang Cồn Hến. - Sông Hương nằm ngay giữa thành phố Huế, chỉ thuộc về thành phố Huế. - Về đến thành phố, sông Hương chia thành những nhánh sông nhỏ mang nước tỏa đi khắp đô thị. Những chi lưu đó, cùng với hai hòn đảo nhỏ làm giảm lưu tốc chảy của sông Hương -> sông Hương chảy chậm như một mặt hồ. - Những đêm hội rằm tháng Bảy, trăm nghìn ánh hoa đăng trên sông Hương trôi về từ điện Hòn Chén hội tụ lại ở thành phố Huế, chao nhẹ trên mặt nước. - Trong những đêm trăng, từ những khoang thuyền trên mặt nước sông Hương có những bản đàn vang lên. - Khi rời khỏi kinh thành Huế, sông Hương chếch về hướng chính bắc ôm lấy Cồn Hến, rồi đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây và chảy qua thành	- Sông Hương vui tươi khi về tới ngoại ô Kim Long. - Đường cong của sông Hương là tiếng "vâng" của tình yêu. - Sông Hương là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế. - Sông Hương trở thành người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. - Khúc ngoặt của sông Hương ở thị trấn Bao Vinh là nỗi vương vấn, lắng lơ kín đáo của tình tình yêu. Sông Hương giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, trở lại timg Kim Trọng để nói một lời thề: *"Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ…"*.	- Sông Hương được nhân cách hóa trở thành con người với niềm vui, hạnh phúc khi được trở về với thành phố thân yêu của nó, trở về với người tình mà nó mong. - Sông Hương còn là giai điệu nhẹ nhàng, trữ tình, êm ái của xứ Huế, là "người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya". Nhà văn đã tự nhiên gắn kết sông Hương với nền âm nhạc Huế. Toàn bộ nền âm nhạc ấy chỉ thực sự là nó khi được sinh thành trên mặt nước sông Hương trong một khoang thuyền nào đó giữa những tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. - Sông Hương mang vẻ đẹp của người thiếu nữ chung tình như nàng Kiều trong đêm tình tự, trở lại nói một lời thề với Kim Trọng. Lời thề của sông Hương vang vọng, trở thành giọng hò dân gian ngân vang mãi trên dòng nước sông Hương: *"Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ…"*.

Tác phẩm thi ca về sông Hương	Tác giả	Trích dẫn cụ thể câu thơ/ câu văn	Vẻ đẹp độc đáo của sông Hương

- Sáng tác một bài thơ về sông Hương (không quy định thể thơ, số câu, số chữ, vần,nhịp ...)

Góc 6. Góc hội họa

- Tìm và giới thiệu những bức họa nổi tiếng về sông Hương của các họa sĩ trong và nước ngoài.
- Mỗi cá nhân trong nhóm lựa chọn một điểm nhìn trên thủy trình của sông Hương (theo văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của HPNT) và vẽ một bức tranh thể hiện vẻ đẹp của sông Hương.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lựa chọn các góc và thực hiện nhiệm vụ của từng góc theo nhóm, cá nhân (tùy theo từng nhiệm vụ được giao)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC cho tuor du lịch "Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật" **(Phần 2)**
- GV hướng dẫn MC những nội dung chính của tour du lịch **(Kịch bản phần II của MC)**
- Đại diện HS các góc chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

	phố Huế ở thị trấn Bao Vinh.		
Nhận xét	- Kĩ năng ghi chép. Ghi lại những thông tin khách quan về sông Hương. - Phương thức biểu đạt: thuyết minh, tự sự, miêu tả	- Kĩ năng liên tưởng, tượng tượng, hư cấu. - Phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả. - Cách khám phá, phát hiện độc đáo cùng thái độ, cảm xúc của nhà văn được thể hiện rất rõ.	

=> Nhận xét chung:

- **Sự kết hợp giữa yếu tố ghi chép và tưởng tượng**. Dưới góc nhìn địa lý, nhà văn vừa ghi chép lại những thông tin khách quan về sông Hương vừa thể hiện những cảm nhận mới mẻ, độc đáo qua khả năng liên tưởng, tưởng tượng của nhà văn. Không có chi tiết, câu văn nào thuần túy chứa đựng thông tin chính xác, khách quan về sông Hương mà tất cả dường như đều thể hện ra qua cái nhìn thấm đượm cảm xúc của nhà văn. Từ đó, thể hiện rất rõ cái tôi của HPNT trong bút ký.
- **Mối quan hệ giữa sông Hương và thành phố Huế**. Trong cảm nhận của nhà văn, sông Hương gắn bó với thành phố Huế một cách gần gũi, thân thiết. Những hình ảnh so sánh, nhân hóa mà tác giả sử dụng đã cho người đọc hình dung sông Hương với thành phố Huế là đôi tình nhân: có xa cách nhớ mong; có vượt qua trở ngại để gặp gỡ, có gắn bó thiết tha; có chia tay bịn rịn, lưu luyến.

2. Sông Hương dưới những góc nhìn văn hóa và nghệ thuật

Góc nhìn	Thông tin khách quan	Mục đích
Sông Hương với triết học	Hai nghìn năm trước, có một người Hy Lạp tên là Hê ra clit đã "khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh"	Cung cấp những thông tin xác thực về sông Hương. Thể hiện
Sông Hương với nền âm nhạc cổ điển Huế	- Nền âm nhạc cổ điển của Huế được sinh thành trên mặt nước sông Hương. - Câu chuyện người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ ...*Tứ đại cảnh*	

	Sông Hương với Lịch sử	- Thời Vua Hùng: Dòng sông biên thùy của đất nước. - Thế kỉ trung đại: Có tên Linh Giang, là dòng sông viễn châu bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt - Thế kỉ XVIII: Soi bóng kinh thành Phú Xuân của Nguyễn Huệ - Thế kỉ XIX: Sống hết lịch sử bi tráng của những cuộc khởi nghĩa - Thời đại cách mạng tháng Tám: Những chiến công rung chuyển	cái nhìn đa chiều của nhà văn, nhằm khám phá vẻ đẹp đa dạng, phong phú của con sông. Làm nên sức hấp dẫn của một tùy bút Khẳng định phong cách nghệ thuật tài hoa, uyên bác của nhà văn.
	Sông Hương với Thơ ca	- Bài "Chơi Huế", Tản Đà: "Dòng sông trắng, lá cây xanh" - Bài "Hiểu quá Hương giang", Cao Bá Quát "Sông dài như kiếm dựng trời xanh" - Bài "Cảnh Hương Sơn", Bà Huyện Thanh Quan: *Đệ nhất nam thiên ấy cảnh này,* *Thuyền nan đón khách mái chèo lay.* *Hai bên quả núi lồng hương suối,* *Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây.* - Bài "Tiếng hát sông Hương", Tố Hữu: *Trên dòng Hương Giang* *Em buông mái chèo* *Trời trong veo* *Nước trong veo* *Em buông mái chèo* *Trên dòng Hương Giang.*	

=> Nhận xét: Mối quan hệ giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong tùy bút. Yếu tố tự sự không xuất hiện nhiều mà được nhà văn sử dụng khi khám phá sông Hương ở góc nhìn triết học (Câu chuyện về nhà triết gia Hy Lạp); âm nhạc (Câu chuyện về người nghệ nhân già ngồi nghe con gái đọc Kiều), lịch sử (Tái hiện các giai đoạn lịch sử của đất nước). Yếu tố tự sự đó là "cái cớ" để nhà văn giãi bày cảm xúc, cùng những suy tư trữ tình về dòng sông Hương. Vì thế bài bút kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" là một bài bút kí trữ tình, nghiêng hẳn sang tùy bút.

Kịch bản phần II của MC

Lời chào và giới thiệu

Chào mừng các thầy cô và các bạn đã tiếp tục đến với phần II của tour du lịch "Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật" của lớp chúng ta.

Trong phần I của chuyến du lịch, chúng ta đã được xem video giới thiệu đôi nét về dòng sông Hương. Và giờ đây, chúng ta sẽ được khám phá sâu hơn về thủy trình của dòng sông Hương dưới góc nhìn địa lý qua những trang văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Sau đây, em xin mời đại diện của góc 1 lên giới thiệu về thủy trình của dòng sông Hương với những đặc tính tự nhiên, những thông tin khách quan mà nhà văn tìm kiếm, ghi chép được xoay quanh dòng sông.

Đại diện góc 1 trình bày

HS góc 1 trình bày: Kết hợp **hình vẽ thủy trình của sông Hương** và các câu trả lời ở Phiếu HT.

MC giới thiệu góc 2: Không chỉ cung cấp cho chúng ta những thông tin khách quan về dòng sông Hương, nhà văn Hoàng Phủ còn đem tới cho chúng ta những cảm nhận mới mẻ, độc đáo của nhà văn về dòng sông Hương qua những liên tưởng, tưởng tượng thú vị của nhà văn. Sau đây xin mời đại diện của nhóm 2 nên giới thiệu hình ảnh dòng sông Hương trong sự suy tư, cảm nhận, tưởng tượng của nhà văn Ngọc Tường.

HS góc 2 trình bày: Kết hợp **vừa trình bày** theo các câu trả lời trong phiếu **vừa dán ảnh vẽ sông Hương trong cảm nhận của nhà văn theo từng thủy trình**.

MC giới thiệu góc 3: Sông Hương còn được Hoàng Phủ Ngọc Tường khám phá dưới góc nhìn của Triết học và âm nhạc. Sự khám phá đó sẽ được các bạn góc 3 làm sáng tỏ ngay sau đây.

HS góc 3 trình bày: Kết hợp **trình bày** và **hát một bài hát** về sông Hương

MC giới thiệu góc 4: Góc nhìn lịch sử

MC giới thiệu góc 5: Góc nhìn thơ ca

MC giới thiệu góc 6: Trong những trang văn "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" của HPNT, nhà văn chưa soi chiếu sông Hương dưới góc nhìn hội họa. Và vì thế, trong chuyến du lịch ngày hôm nay, các bạn góc 6 sẽ cùng làm hoàn thiện thêm chuyến du lịch của chúng ta qua góc nhìn hội họa. Xin mời đại diện của góc 6.

Giới thiệu cô giáo

Xin cảm ơn sự chia sẻ của các bạn. Và để nhận xét và tổng kết lại chuyến du lịch của chúng ta ngày hôm nay, sau đây em xin được trân trọng giới thiệu thầy/cô ... sẽ cùng điểm lại những nét chính trong tuor du lịch "Sông Hương và những biến ảo nghệ thuật" của chúng ta.

Xin trân trọng mời cô!

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin, những cảm xúc như thế nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" là đoạn văn xuôi súc tích và đầy chất thơ về sông Hương. - Đoạn trích vừa đem tới cho bạn đọc những thông tin xác thực, khách quan về dòng sông vừa đem đến những cảm nhận mới mẻ, độc đáo thấm đượm cảm xúc của nhà văn. **2. Nghệ thuật** - Nghệ thuật nhân hóa được nhà văn sử dụng thành

gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	công, xuyên suốt văn bản. Trong cảm hứng sáng tạo của tác giả, sông Hương đã trở thành hình tượng trung tâm – một nhân vật có lai lịch, tính cách, tình cảm riêng. - Sự đan quyện giữa các thông tin xác thực về sông Hương với cảm xúc sâu đậm, dồi dào của người viết về dòng sông. - Sự phối hợp các tri thức khoa học, văn hóa – nghệ thuật đã làm nổi bật vẻ đẹp của dòng sông từ nhiều góc nhìn, nhiều khía cạnh khác nhau. - Cách diễn đạt tài hoa thể hiện ở ngôn ngữ giàu hình ảnh, cách liên tưởng so sánh bất ngờ, nhịp điệu biến hóa của câu văn.

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại kí văn học

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại kí văn học.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu bài kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" của Hoàng Phủ Ngọc Tường, em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một tác phẩm kí văn học. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Cách đọc hiểu một tác phẩm kí văn học** 1. Đọc văn bản, nhận diện đặc điểm thể loại kí văn học. 2. Tìm hiểu các thông tin về các tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm. 3. Đọc kĩ văn bản, dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung các vấn đề về hiện thực, xã hội, con người ... được tác giả biểu hiện qua ngôn ngữ trong văn bản. 4. Nhận diện và phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong tác phẩm kí văn học. 5. Từ việc phân tích nội dung hiện thực được phản ánh, phát hiện góc nhìn, thái độ của tác giả, suy nghĩ, cảm nhận tư tưởng, quan niệm của người viết về những vấn đề nhân sinh, xã hội. 6. Liên hệ với bản thân và thực tại để thấy ý nghĩa của thể loại kí văn học đối với cuộc sống và con người.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Nêu cảm nhận về ý nghĩa nhan đề bài tùy bút. Cách đặt nhan đề của tác giả có gì đáng chú ý?

Nhiệm vụ 2: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một hình ảnh độc đáo được tác giả sử dụng để làm nổi bật nét riêng của sông Hương

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **Nhiệm vụ 1**. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (5 phút)
- **Nhiệm vụ 2.** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trả lời, đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS trả lời)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Kết luận, nhận định

Nhiệm vụ 1: Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS

- Nhan đề bài tùy bút là một câu hỏi tu từ. Câu hỏi không hướng về khám phá sông Hương mà đặt ra vấn đề về cội nguồn tên gọi của sông hương "ai đã đặt tên?". Từ đó cho thấy, tên gọi sông Hương hàm chứa nhiều điều lí thú cần tìm hiểu, cũng như chính những điều bí ẩn cần khám phá của chính con sông.
- Nhan đề đã thể hiện trạng thái cảm xúc của tác giả trước con sông; khơi gợi sự hình dung tưởng tượng, liên tưởng ở người đọc; kích thích sự tìm hiểu khám phá về con sông

Nhiệm vụ 2. Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Phân tích một hình ảnh độc đáo để làm nổi bật nét riêng của sông Hương	
	Giới thiệu, trích dẫn cụ thể một hình ảnh độc đáo	**2**
	Phân tích hình ảnh độc đáo: - Nội dung: Khắc họa vẻ đẹp gì của sông Hương? - Nghệ thuật: Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Ngôn từ như thế nào? - Qua hình ảnh đó, nhà văn muốn gửi gắm điều gì về sông Hương?	 **3** **2** **1**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**

Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Vẫn trên kênh tiếp cận là âm nhạc, Hoàng Phủ còn ví sông Hương là "người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya". Nhà văn đã tự nhiên gắn kết sông Hương với nền âm nhạc cổ điển Huế. Sông Hương là một nữ nghệ nhân tài năng với tiếng đàn trong đêm khuya. Toàn bộ nền âm nhạc của Huế trong cảm nhận của nhà văn chỉ thực sự là nó khi được sinh thành trên mặt nước sông Hương trong một khoang thuyền nào đó giữa những tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. Từ một dòng sông mềm như tấm lụa với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé bằng con thoi, những điệu hò đã vút lên khiến nhà văn liên tưởng đến tiếng đàn của bậc kiều nữ Thúy Kiều. Viết về sông Hương đã rất nhiều lần, Hoàng Phủ liên tưởng đến Truyện Kiều của Nguyễn Du. Phải chăng trong tưởng tượng của Hoàng Phủ những trang Kiều đã được sinh ra từ mảnh đất cố đô với truyền thống nhã nhạc cung đình?

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết viết một bài kí ngắn

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Một bài kí văn học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu:

- Tìm hiểu và ghi chép lại những thông tin khách quan về một danh lam thắng cảnh, một địa danh, hoặc một di tích lịch sử tại quê hương em.
- Viết một bài kí ngắn trong đó có những thông tin khách quan và cả những cảm xúc của cá nhân em về danh lam thắng cảnh hoặc địa danh hoặc di tích lịch sử tại đó

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu những thông tin khách quan và viết một bài kí ngắn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đọc các bài viết của HS nêu nhận xét, đánh giá

Rubric đánh giá tác phẩm kí

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng thể loại kí Có sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt	**0,5** **1,0**
Nội dung	Viết về một địa danh hoặc một thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử tại quê hương	

	Giới thiệu được địa danh/ thắng cảnh/ di tích lịch sử	**1,0**
	Những thông tin khách quan về địa địa danh/ thắng cảnh/ di tích lịch sử Những liên tưởng, tượng tượng, cảm xúc của cá nhân	**3** **3**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các tùy bút có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2 "Và tôi vẫn muốn mẹ ..." (Trích *Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em,* Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

Tiết: 70,71

VĂN BẢN 2: "VÀ TÔI VẪN MUỐN MẸ ..."

(Trích *Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em*

- Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một tác phẩm kí theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Nắm được những kiến thức về tác giả Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích và tác phẩm đoạn truyện kí: *Và tôi vẫn muốn mẹ ...*

2. Phẩm chất. Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Xem video phim "Mẹ vắng nhà" và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Xem đoạn video phim "Mẹ vắng nhà" (Từ phút 50- 54) và cho biết nội dung của đoạn video kể về điều gì? Cảm xúc của em như thế nào khi xem xong đoạn phim ngắn đó?

https://youtu.be/qqJvMSYcuQI

Bước 2+3: Thực hiện và báo cáo kết quả

- HS xem phim, trả lời câu hỏi của GV
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS. Giới thiệu bộ phim "Mẹ vắng nhà"

Mẹ vắng nhà là bộ phim truyện nhựa sản xuất năm 1979 dựa trên truyện ngắn *Người mẹ cầm súng* và *Mẹ vắng nhà* của nhà văn Nguyễn Thi, do NSND Nguyễn Khánh Dư đạo diễn.Tác phẩm lấy nguyên mẫu là cuộc đời nữ anh hùng lực lượng Vũ trang Nhân dân Việt Nam Út Tịch và năm đứa con của chị. Phim lấy bối cảnh cuộc chiến tranh chống Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Bộ phim là một trong những tác phẩm tiêu biểu của điện ảnh Việt thời kỳ đầu

giành Giải Bông Sen Vàng cho phim truyện nhựa tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 5, giải thưởng tại Liên hoan phim quốc tế Karlovy Vary 1980.

Qua đoạn phim ngắn, cô trò chúng ta đã phần nào hiểu được sự khốc liệt của chiến tranh. Chiến tranh đã khiến những người mẹ phải xa con để cầm súng chiến đấu bảo vệ tổ quốc, khiến những đứa con sớm phải rời xa vòng tay cha mẹ, phải tự mình vượt lên hoàn cảnh.

- GV dẫn vào bài:

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II đã cướp đi sinh mạng hàng ngàn người dân trên thế giới, khiến cho biết bao em bé phải xa rời vòng tay cha mẹ và không bao giờ được trở về trong vòng tay yêu thương ấy, để rồi cứ vang vọng mãi trong tim một khát khao cháy bỏng "Và tôi vẫn muốn mẹ ...". Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ ngược thời gian trở về những năm tháng khốc liệt của chiến tranh trên đất nước Bê-la-rút để cảm nhận khát vọng cháy bỏng của Din-na Cô-si-ắc qua đoạn truyện kí: *Và tôi vẫn muốn mẹ ...* của nhà văn Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1. Đọc, tìm hiểu tác giả, tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Đọc SGK trang 5 kết hợp với xem video: https://youtu.be/2IkpyAVI5rY
- Hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở

Tác giả Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích	Sinh ... Nhà văn nước ...	Tác phẩm chính ...	Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật ...
Tác phẩm ***Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em***	Thể loại ...	Hình thức ...	Nội dung chính: ...
Đoạn trích ***"Và tôi vẫn muốn mẹ..."***	Vị trí ...	Nội dung chính: ...	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc SGK, xem video và hoàn thiện bảng kiến thức
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 2. Đọc và tóm tắt tác phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Các em đọc lướt văn bản, bảng kiến thức trên màn hình PP và thực hiện các yêu cầu sau:

+ Sắp xếp các sự việc theo tiến trình của câu chuyện.

+ Tóm tắt ngắn gọn đoạn trích "Và tôi vẫn muốn mẹ..."

+ Xác định ngôi kể, người kể chuyện trong đoạn trích.

+ Xác định điểm nhấn quan trọng của câu chuyện. Từ đó, lí giải ý nghĩa nhan đề đoạn trích.

STT	Sự việc	Trình tự
1	Khi học đến lớp ba, nhân vật "tôi" đã trốn đi tìm mẹ và được ông già Bôn-sa-cốp	

I. Đọc và tìm hiểu chung

1. Tác giả và tác phẩm

Tác giả Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích	Sinh 1948 Nhà văn nước Bê-la-rút	Tác phẩm chính: *Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ; Những nhân chứng cuối cùng;*	Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật: - Là những tác phẩm phi hư cấu. - Các tác phẩm đã dựng lên "một tượng đài tưởng niệm sự thống khổ và lòng can đảm"
Tác phẩm ***Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em***	Thể loại Truyện kí	Hình thức nghệ thuật: phỏng vấn những người đã từng trải qua thực tế tàn khốc của cuộc CTTG lần thứ 2 từ thơ bé.	Nội dung chính: Ghi lại những câu chuyện sinh động, hãi hùng về chiến tranh từ kí ức của các nhân vật.
Đoạn trích ***"Và tôi vẫn muốn mẹ..."***	Vị trí ...	Nội dung chính: ...	

2. Tóm tắt tác phẩm

STT	Sự việc	Trình tự
4	Nhân vật "tôi" học xong lớp một, **xa ba mẹ**, tham gia trại hè đội viên ở Gô-rô-đi-sa và chứng kiến cảnh máy bay Đức ném bom	1
3	Nhân vật "tôi" cùng bạn bè mang theo lương thực, **không có ba mẹ** bên cạnh, rời khỏi trại hè, đi về nơi không có chiến tranh.	2
5	Nhân vật "tôi" cùng bạn bè đến sống ở Mô-đô-vi-a và phải đối mặt với cuộc sống khó khăn, đói rét; đối mặt với **nỗi nhớ ba mẹ**.	3
1	Khi học đến lớp ba, nhân vật "tôi" đã trốn đi **tìm mẹ** và được ông già Bôn-sa-cốp cưu mang, nuôi nấng trong suốt cuộc chiến.	4
6	Khi chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" đã **lẻn trốn đi tìm mẹ** sau những tháng ngày chờ đợi.	5
2	Khi đã năm mươi mốt tuổi và có hai con, nhân vật "tôi" vẫn luôn khao khát **muốn có mẹ.**	6

=> **Nhận xét về ngôi kể, người kể chuyện, điểm nhấn câu chuyện, nhan đề đoạn trích:**

- Ngôi kể thứ nhất "tôi"
- Người kể chuyện là Din-na Cô-si-ắc hiện là thợ

	cưu mang, nuôi nấng trong suốt cuộc chiến	
2	Khi đã năm mươi mốt tuổi và có hai con, nhân vật "tôi" vẫn luôn khao khát muốn có mẹ.	
3	Nhân vật "tôi" cùng bạn bè mang theo lương thực, không có ba mẹ bên cạnh, rời khỏi trại hè, đi về nơi không có chiến tranh.	
4	Nhân vật "tôi" học xong lớp một, tham gia trại hè đội viên ở Gô-rô-đi-sa và chứng kiến cảnh máy bay Đức ném bom	
5	Nhân vật "tôi" cùng bạn bè đến sống ở Mô-đô-vi-a và phải đối mặt với cuộc sống khó khăn, đói rét; đối mặt với nỗi nhớ ba mẹ.	
6	Khi chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" đã lẻn trốn đi tìm mẹ sau những tháng ngày chờ đợi.	

Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ
- GV gọi 3-4 HS trả lời các câu hỏi, GV ghi lại câu trả lời của HS trên bảng; gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.

tóc. Nhà văn Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích là người ghi lại câu chuyện.

- Điểm nhấn quan trọng của câu chuyện là: Tất cả các sự kiện diễn ra theo dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" đều liên quan đến mẹ. Mẹ luôn hiện diện trong mọi thời khắc cuộc sống đau thương thời thơ ấu của "tôi". Và ước muốn được gặp lại mẹ trở thành nỗi ám thường trực trong lòng nhân vật. Thế nhưng, cuối cùng nhân vật "tôi" phải đối diện với sự thật phũ phàng: chiến tranh đã cướp đi tất cả những gì gần gũi, thân thương của con người.
- Nhan đề của đoạn trích đã thể hiện rất rõ nội dung của đoạn trích: **Niềm khát khao, mong muốn được gặp mẹ của nhân vật "tôi".**

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm Nhóm 1,2: *Khi tôi là Din-na Cô-si-ắc.* Nhập vai nhân vật "tôi" Nhóm 3,4: *Khi tôi là A-lếch-xi-e-vích.* Nhập vai nhà văn Nhóm 1,2 Nhóm 3,4 Khi tôi là Din-na Cô-si-ắc Khi tôi là A-lếch-xi-e-vích **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**	**II. Khám phá văn bản** **1. Câu chuyện về kí ức tuổi thơ của nhân vật "tôi"** - Người kể chuyện là nhân vật "tôi" thuộc ngôi thứ nhất, tên là Din-na Cô-si-ắc, là thợ làm tóc, hiện đã năm mươi mốt tuổi. - Nhân vật "tôi" không chỉ là người trực tiếp can dự vào câu chuyện với tư cách là một nhân vật mà còn là người kể lại câu chuyện thời tuổi thơ của nhân vật. - Những sự kiện được kể lại trong câu chuyện

GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm

Nhóm 1. Đọc lại đoạn văn: *"Lớp Một ... Gào khóc khôn nguôi"*, nhập vai vào nhân vật "tôi", hồi tưởng và kể lại hành trình từ khi rời xa ba mẹ, tham gia trại hè đến khi tản cư về sống ở Mô- đô-vi-a:

Cần làm rõ những vấn đề sau:

1. Giới thiệu tên, tuổi, nghề nghiệp ở thời điểm hiện tại của bản thân.
2. Những sự kiện và bức tranh cuộc sống của thời tuổi thơ được tái hiện trong kí ức của bản thân.
3. Tâm trạng, thái độ của bản thân khi nhớ lại những kỉ niệm/sự kiện đó.
4. Chọn chi tiết, hình ảnh để lại ấn tượng mạnh đối với bản thân và lí giải vì sao.

Nhóm 2. Đọc lại đoạn: "Tôi học lại lớp Một ... Và tôi vẫn còn muốn mẹ", nhập vai vào nhân vật "tôi", hồi tưởng và kể lại hành trình trốn khỏi trại đi tìm mẹ cho đến khi chiến tranh kết thúc và đến thời điểm hiện tại.

Cần làm rõ những vấn đề sau:

1. Những sự kiện và bức tranh cuộc sống của thời tuổi thơ được tái hiện trong kí ức của bản thân.
2. Tâm trạng, thái độ của bản thân khi nhớ lại những kỉ niệm/sự kiện đó.
3. Tâm trạng, cảm xúc của bản thân ở thời điểm hiện tại.
4. Chọn chi tiết, hình ảnh để lại ấn tượng mạnh đối với bản thân và lí giải vì sao.

Nhóm 3. Hình dung lại tác phẩm, nhập vai vào nhà văn, giới thiệu với bạn đọc về Din-na Cô-si-ắc và câu chuyện thời tuổi thơ của bà

Cần làm rõ những vấn đề sau:

1. Ai là người ghi chép lại câu chuyện của Din-na Cô-si-ắc?
2. Có sự khác nhau giữa lời kể của trực tiếp của nhân chứng và lời của nhà văn chính là những trải nghiệm trực tiếp của nhân vật "tôi" mà không qua một nhân vật trung gian nào.

+ Những sự kiện và bức tranh cuộc sống thời tuổi thơ từ khi nhân vật "tôi" rời xa ba mẹ, tham gia trại hè và tản cư về Mô-đô-vi-a khi chiến tranh xảy ra:

Sự việc	Bức tranh cuộc sống trong kí ức của nhân vật "tôi"	Tâm trạng, thái độ của nhân vật "tôi"
Tháng 5/ 1941: Xa ba mẹ, tham gia trại hè đội viên ở Gô-rô-đi-sa và chứng kiến cảnh máy bay Đức ném bom	- Máy bay ném bom, tất cả màu sắc đều biến mất. - Lần đầu tiên biết đến "chết chóc" - Ba mẹ không bên cạnh	- Ban đầu hò reo khi thấy máy bay lạ sau đó sợ hãi, lo lắng khi nhận ra thực tại khốc liệt, ba mẹ không có bên cạnh
Rời khỏi trại hè đi về nơi không có chiến tranh	- Tất cả phải mang theo lương thực từ những em bé nhất, nhưng phải dùng dè sẻn. - Những người lính bị thương, rên la đau đớn	Xót xa, thương cảm, muốn trao hết đồ cho những người lính. Yêu thương, quý mến những người lính, gọi họ là "ba"
Đến sống tại Mô-đô-vi-a	- Khung cảnh ở Mô-đô-vi-a đẹp: xung quanh là nhà thờ. Những ngôi nhà thấp, nhà thờ thì cao. - Cuộc sống triền miên trong đói khát: + Hai trăm năm mươi đứa trẻ không có gì để ăn. + Phải giết thịt cả con ngựa già thân thiết duy nhất. + Phải ăn cây cỏ để sống: ăn hết cả chồi mầm, tước cả lớp vỏ non -> trong bán kính vài cây số không có một cái cây nào đâm chồi nảy lộc. - Cuộc sống chìm trong nỗi nhớ cha mẹ: không ai dám nhắc đề từ "mẹ". Nếu có ai đó bất ngờ nhắc đến thì lập tức tất cả khóc òa. Gào khóc không thôi.	- Thấu hiểu hoàn cảnh, yêu quý những cô bảo mẫu và giám đốc: "mắt họ đầy lệ" - Xót thương khi biết tin phải giết con ngựa già để làm lương thực. - Sợ hãi trước cái đói - Buồn bã, nhớ mẹ đến tuyệt vọng "gào khóc không nguôi"

+ Những sự kiện và bức tranh cuộc sống thời tuổi thơ từ khi nhân vật "tôi" trốn trại đi tìm mẹ cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Sự việc	Bức tranh cuộc sống trong kí ức của nhân	Tâm trạng, thái độ của nhân vật "tôi"

viết ra trong văn bản không? Sự sáng tạo của nhà văn thể hiện ở chỗ nào? Sự sáng tạo đó có hạ thấp yêu cầu của tính xác thực trong truyện kí không?
3. Thái độ của nhà văn khi ghi lại các sự kiện mà nhân chứng kể lại được thể hiện như thế nào?

Nhóm 4. Hình dung lại tác phẩm, nhập vai vào nhà văn, giới thiệu với bạn đọc về Din-na Cô-si-ắc và câu chuyện thời tuổi thơ của bà
Cần làm rõ những vấn đề sau:
1. Những yếu tố nào được nhà văn sử dụng để tạo nên sức lay động của văn bản đối với người đọc?
2. Chỉ rõ sự kết hợp giữa yếu tố phi hư cấu và hư cấu mà nhà văn đã sử dụng trong văn bản.
3. Thông điệp mà nhà văn gửi gắm qua văn bản "Và tôi vẫn muốn mẹ..."

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm thảo luận theo định hướng.
Chọn người nhập vai các nhân vật để trình bày trước lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Đại diện các nhóm nhập vai nhân vật để kể hoặc trình bày.
- Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.

	vật "tôi"	
Trốn trại đi tìm mẹ khi học lớp ba	- Khao khát gặp mẹ, bỏ trốn đi tìm mẹ và bị đói lả, kiệt sức. - Được ông già Bôn-sa-cốp tìm thấy trong rừng, mang về nuôi nấng. - Cuộc sống đắp đổi qua ngày, luôn phải đối mặt với cái đói: ăn thứ bánh mì có rất ít bột mì; trộn bột với tất cả những gì xay ra được. - Gặp em bé gái điên, được em kể cho nghe về con chuột và cùng ngồi canh chuột. - Chờ đợi chiến tranh kết thúc để đi tìm mẹ. Dò hỏi tin tức về mẹ	- Nhớ mẹ da diết - Hoảng loạn khi bị đói, kiệt sức. Bị ám ảnh đến tận bây giờ "không thể thản nhiên nhìn cỏ mọng và ăn rất nhiều bánh mì" - Thương em gái bị điên - Lo lắng, bồn chồn tìm kiếm thông tin về mẹ
Chiến tranh kết thúc	- Chờ đợi mỏi mòn tin tức về mẹ - Lẻn trốn dưới gầm ghế một con tàu ra đi tìm mẹ mà không biết sẽ đi về đâu. - Đối diện với sự thật phũ phàng: ba mẹ mất tích trong một trận bom	- Buồn tủi, thất vọng khi chờ đợi tin tức về mẹ. - Hoang mang khi không biết đi đâu về đâu. - Hi vọng mong manh được gặp lại ba mẹ. - Xót xa, đau đớn khi biết sự thật phũ phàng.

=> Câu chuyện tuổi thơ đau thương của Din-na Cô-si-ắc hiện lên đầy xác thực. Câu chuyện đã tái hiện những ngày đau thương, đói khát, hãi hùng và thiếu thốn tình mẹ của bao đứa trẻ trong chiến tranh khốc liệt mà trong đó có Din-nan Cô-si-ắc. Tình yêu với mẹ, niềm khao khát được gặp lại mẹ luôn cháy bỏng trong nhân vật "tôi" dù khi là một em bé tám tuổi, hay dù đã năm mươi mốt tuổi, đã có hai con nhưng vẫn luôn khao khát có mẹ.

2. Yếu tố phi hư cấu và hư cấu trong thể loại truyện kí

	Người kể chuyện – nhân vật "tôi" (Din-na Cô-si-ắc)	**Người ghi chép – tác giả (nhà văn *A-lếch-xi-e-vích*)**
Yếu tố phi hư cấu	Câu chuyện về kí ức tuổi thơ của nhân vật "tôi"	
Yếu tố hư cấu		- Ngôn từ, giọng kể - Sắp xếp các sự việc - Sáng tạo các chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa

		- Lời kể không còn là lời "nguyên bản" của người kể chuyện mà lời kể có tính nghệ thuật, được nhà văn sáng tạo
Ý nghĩa	- Tính xác thực của truyện kí. - Sự hấp dẫn với người đọc ở tính chính xác, tính lịch sử qua lối ghi chép khách quan.	- Thể hiện thái độ, tình cảm của nhà văn: sự đồng cảm với những đau thương mất mát mà nhân chứng nếm trải; sự ngưỡng mộ, cảm phục ý chí, bản lĩnh của nhân chứng; ngợi ca tình cảm cao đẹp của con người – tình mẫu tử thiêng liêng; lên tiếng tố cáo các cuộc chiến tranh phi nghĩa. - Tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm truyện kí bằng sự sáng tạo riêng của nhà văn qua ngôn ngữ, giọng kể, lời kể, cách sắp xếp sự việc, sự sáng tạo các chi tiết, hình ảnh.

=> Thể loại truyện kí có hai hình thức thể hiện:
- Kể lại trực tiếp trải nghiệm của bản thân.
- Ghi lại trải nghiệm của một nhân vật nào đó. Với hình thức thứ 2, nhà văn không phải là người kể nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong việc tạo lập văn bản, thể hiện ở việc lựa chọn ngôn từ, giọng kể, lời kể, cách sắp xếp sự việc, xây dựng chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Vẽ sơ đồ tư duy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (theo mẫu)	**III. Tổng kết** **Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

+ Nêu cách đọc hiểu một tác phẩm truyện kí **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	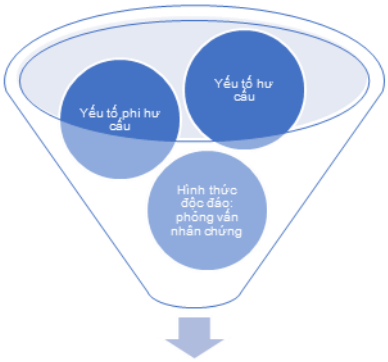 Sự đồng cảm với những đau thương mất mát mà nhân chứng nếm trải; sự ngưỡng mộ, cảm phục ý chí, bản lĩnh của nhân chứng; ngợi ca tình cảm cao đẹp của con người – tình mẫu tử thiêng liêng; lên tiếng tố cáo các cuộc chiến tranh phi nghĩa. **IV. Cách đọc hiểu truyện kí nói chung** 1. Đọc, nhận diện câu chuyện, nhân vật, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật... 2. Chú ý nhân vật "tôi". Đây là kiểu nhân vật kể chuyện ngôi thứ nhất, có tính đặc trưng của thể loại truyện kí. 3. Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong tác phẩm. 4. Tra cứu những thông tin khách quan, những hiện thực cuộc sống (phi hư cấu) được tác giả tái hiện, mô tả trong văn bản. 5. Suy nghĩ, luận giải tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với những điều được kể. 6. Liên hệ, kết nối thực tiễn của cuộc sống để hiểu rõ hơn về giá trị của tác phẩm truyện kí và vận dụng những bài học hữu ích cho bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa hai câu cuối trong văn bản: "Tôi đã năm mươi mốt tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn còn muốn mẹ."

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa hai câu cuối trong văn bản: "Tôi đã năm mươi mốt tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn còn muốn mẹ.	
	Khái quát nội dung của hai câu cuối: - Hai câu cuối nói về thời điểm nào của nhân vật "tôi"? - Hai câu cuối thể hiện mong muốn gì của nhân vật "tôi"?	**2**
	Ý nghĩa của hai câu văn đối với nhân vật "tôi", đối với nhà văn, đối với tác phẩm, với bạn đọc.	**6**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Hai câu văn cuối trong đoạn trích "Và tôi vẫn muốn mẹ...", trích trong "Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em" của nhà văn X vét-la-na A-lếch-xi-ê-vích có ý nghĩa sâu sắc với mỗi chúng ta. Hai câu văn cuối là lời của nhân vật "tôi" ở thời điểm hiện tại, khi bà đã năm mươi mốt tuổi và đã có hai người con. Nhân vật "tôi" vẫn luôn khao khát có mẹ dẫu bà đã trải qua bốn mươi ba năm không có mẹ bên cạnh. Hai câu văn ngắn nhưng đã tái hiện lại cả một chặng đường đời đầy xót xa, đau đớn khi phải xa rời mẹ của nhân vật "tôi". Ẩn chứa trong hai câu văn còn là tiếng nói tố cáo chiến tranh. Chiến tranh đã dần tước đi tất cả. Chiến tranh cũng đã khiến cho những đứa trẻ vỡ mộng một cách tàn nhẫn, khi chúng đau đớn nhận ra rằng trò chơi giả trận chẳng hề giống như những gì chúng vẫn luôn nghĩ đến. Chiến tranh cũng đã tác động sâu sắc đến nhận thức của những đứa trẻ, khiến cho chúng như "đã già đi", không còn giữ được sự ngây thơ, hồn nhiên, mà nhìn cuộc đời bằng sự tiêu cực, trực diện với những chiều kích tăm tối của nó. Chỉ trong hai câu văn ngắn thế này, mà nỗi đau đằng đẵng suốt năm tháng gắn liền với khát vọng yêu thương tận cùng trái tim vang lên đầy day dứt: "Tôi đã năm mươi mốt tuổi, tôi có hai con. Và tôi vẫn còn muốn mẹ." Hai câu văn ngắn nhưng đã cho ta thấy niềm khao khát của một đứa trẻ đã mất mẹ trong thời chiến thật ám ảnh, day dứt biết bao!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu:

- Tìm gặp một bác cựu chiến binh tại quê hương em, mời bác chia sẻ một kỉ niệm sâu sắc trong những năm tháng chiến tranh và ghi chép lại kỉ niệm của người cựu chiến binh đó.
- Viết lại kỉ niệm của người cựu chiến binh đó bằng ngôn từ của bản thân em, đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Ngôi kể thứ nhất (người cựu chiến binh)

+ Không thay đổi, sửa chữa những sự việc chính

- Chia sẻ với các bạn trong lớp về câu chuyện của người cựu chiến binh đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm gặp, trò chuyện, ghi chép kỉ niệm của người cựu chiến binh và viết lại câu chuyện của người cựu chiến binh.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu chuyện cùng những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những câu chuyện HS chia sẻ.

Rubric đánh giá tác phẩm truyện kí

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	Đảm bảo đúng thể loại truyện kí Có sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt	**0,5** **1,0**
Nội dung	Kể lại một kỉ niệm của một người cựu chiến binh trong chiến tranh	
	Giới thiệu được người kể, ngôi kể	**1,0**
	Những sự kiện chính trong câu chuyện Những cảm xúc của cá nhân	**3** **3**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- **Chuẩn bị bài:** *Cà Mau quê xứ* (Trích *Uống cà phê trên đường của Vũ,* Trần Tuấn)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,4,5,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

Tiết: 72,73

VĂN BẢN 3: CÀ MAU QUÊ XỨ

(Trích *Uống cà phê trên đường của Vũ*)

Trần Tuấn

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tản văn theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Nắm được những kiến thức về tác giả Trần Tuấn và tản văn: *Cà Mau quê xứ*

2. Phẩm chất. Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Tổ chức trò chơi ô chữ. - GV nêu thể lệ trò chơi. + Có 7 từ khóa liên quan đến bài học + Các từ chìa khóa có thể nằm ở hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo. + Dựa vào gợi ý, xác định mật mã bị ẩn trong ô chữ. O E X N H C F L V E H N N U A H O B X J Z O R C Â G M A T H U Ậ T N G Ó N A U N G W H T I S Z J H O N Y I C W U N T E T I O W Á Ễ À Z Â F X W Ả Ộ Y M L C N V H X Y Y Y N N P J Z C T T P T S Đ À A U V M L Q U Ự H Y T H Ư Z P M Ă H J Â S K O H Ậ W Ớ D Y M N M N Ự D V X A U Q C V X Y U J P J W D S I L G N E N Z C B W C À M A U N H G H N A **Câu 1.** Hai câu thơ *"Tổ quốc tôi như một con tàu/ Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau"* của Xuân Diệu đã nhắc đến địa danh nào? Gợi ý: Hai từ, 5 chữ cái Đáp án: Cà Mau **Câu 2.** Tác phẩm *Uống cà phê trên đường của Vũ* của Trần Tuấn thuộc thể loại gì? Gợi ý: Hai từ, 6 chữ cái Đáp án: Tản văn **Câu 3.** Điền từ vào dấu "..." trong câu sau: "Tản văn là một tiểu loại kí thường được sử dụng đồng thời cả yếu tố ... và trữ tình" Gợi ý: Hai từ, 4 chữ cái Đáp án: Tự sự **Câu 4.** Nhà thơ, nhà báo Trần Tuấn sinh ra ở đâu? Gợi ý: Hai từ, 5 chữ cái Đáp án: Hà Nội **Câu 5.** Tập thơ được ra đời năm 2008 và là một tuyên	- Câu trả lời của HS

ngôn mới về thơ, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình thi ca của Trần Tuấn. Đó là tập thơ gì?

Gợi ý: 3 từ, 12 chữ cái

Đáp án: Ma thuật ngón

Câu 6. Bài bút kí *Khi nào Bắc Nam đã được thống nhất, anh sẽ vô thăm đâu trước hết?* của nhà văn nào?

Gợi ý: Hai từ, 10 chữ cái

Đáp án: Nguyễn Tuân

Câu 7. Loài cây đặc trưng cho vùng đất Cà Mau được xuất hiện trong bức tranh sau. Đó là loài cây gì?

Đặng Kim Long - Rừng đước U Minh - 160cm x 80cm (tranh ghep) - sơn dầu - 2012

Gợi ý: Hai từ, 7 chữ cái

Đáp án: Cây đước

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời

Bước 4: Đánh giá, kết luận

O	E	X	N	H	C	F	L	V	E	H	N	N
U	A	H	O	B	X	J	Z	O	R	C	Â	G
M	A	T	H	U	Ậ	T	N	G	Ó	N	A	U
N	G	W	H	T	I	S	Z	J	H	O	N	Y
I	C	W	U	N	T	E	T	I	O	W	Á	Ễ
À	Z	Â	F	X	W	Ả	Ộ	Y	M	L	C	N
V	H	X	Y	Y	Y	N	N	P	J	Z	C	T
T	P	T	S	Đ	À	A	U	V	M	L	Q	U
Ự	H	Y	T	H	Ư	Z	P	M	Ă	H	J	Â
S	K	O	H	Ậ	W	Ớ	D	Y	M	N	M	N
Ự	D	V	X	A	U	Q	C	V	X	Y	U	J
P	J	W	D	S	I	L	G	N	E	N	Z	C
B	W	C	À	M	A	U	N	H	G	H	N	A

Mật mã ô chữ: "Cà Mau quê xứ"

GV dẫn vào bài: Mật mã ô chữ là "Cà Mau quê xứ". "Cà Mau quê xứ" là một trong trích đoạn tản văn của nhà báo Trần Tuấn viết về khung cảnh và cuộc sống con

người ở Đất Mũi Cà Mau. Và đó cũng chính là tác phẩm mà cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay!	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Trần Tuấn và tác phẩm "Cà Mau quê xứ"

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ Dựa vào sự hiểu biết của bản thân và kết nối các thông tin từ trò chơi ô chữ, các em hãy giới thiệu với bạn bên cạnh em những nét cơ bản nhất về tác giả Trần Tuấn và văn bản "Cà Mau quê xứ" **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trao đổi đưa ra câu trả lời - GV quan sát HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp - HS khác bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức	**I. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Tác giả Trần Tuấn** - Trần Tuấn sinh năm 1967, tên khai sinh là Trần Ngọc Tuấn, quê quán tại Hà Nội - Là một giọng bút ký có dấu ấn riêng, sâu sắc với cách viết nhẩn nhá, nhiều liên tưởng. - Tác phẩm chính + Ma thuật ngón (2008) + Đừng gọi tôi là Lại Phiền Hà (2008) + Chậm hơn dừng lại (2017) **2. Văn bản *Cà Mau quê xứ*** - Xuất xứ: Được trích trong tập "Uống Cà phê trên đường của Vũ". - Nội dung: Tác phẩm là những trải nghiệm gần gũi và đáng nhớ của ông khi đến mảnh đất Cà Mau

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và xác định bố cục văn bản **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV phân công nhiệm vụ: - Mỗi bàn là một nhóm. Đọc đoạn văn theo sự phân công của GV. Trong quá	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Đọc, xác định bố cục, đề tài văn bản và tâm thế của tác giả.** <table><tr><th>Đoạn</th><th>Nội dung/ Sự việc chính</th><th>Bố cục</th></tr><tr><td>"Ra Mũi Cà Mau ... thơ thẩn với Cà Mau"</td><td>Giới thiệu mục đích đến Cà Mau của tác giả</td><td>**Phần 1. Mở đầu**</td></tr><tr><td>"Trong ổ cứng cũ mèm</td><td>Cảm xúc của tác</td><td>Cảm xúc</td></tr></table>

trình đọc, chú ý đến thẻ chỉ dẫn của SGK.

- Xác định nội dung/ sự việc chính của đoạn văn. Từ đó xác định bố cục, đề tài, tâm thế của tác giả.

Bàn	Đoạn	Nội dung/ Sự việc chính	Bố cục
1	"Ra Mũi Cà Mau ... thơ thẩn với Cà Mau"		
1	"Trong ổ cứng cũ mèm ... ông thầy Quýt"		
2	"Mà cũng thiệt lạ ... thành Quê xứ con người hay đến vậy?"		
3	"Giờ thì mấy anh em tôi ... nói chuyện một mình"		
4	"Bên cạnh tôi, những cây đước ... thân đước mới"		
5	Về Sài Gòn, tôi lẩn mẩn ... quê xứ"		
5	"Tôi về, mang theo ... cay nhòe"		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành nhiệm vụ theo bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu khung cảnh thiên nhiên, đời sống con người vùng Đất Mũi Cà Mau

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm

Nhóm 1,2: Cà Mau trong đời thực

Nhóm 3,4: Cà Mau trong "tôi"

Nhóm 5,6: Cà Mau trong văn học, nghệ thuật

... ông thầy Quýt"	giả khi đọc các trang viết về Cà Mau của nhà văn xưa và nay	**Phần 2. Nội dung chính**	của tác giả qua những liên tưởng văn học về Đất Mũi
"Mà cũng thiệt lạ ... thành Quê xứ con người hay đến vậy?"	Cảm xúc tác giả và mọi người khi đến với Mũi Cà Mau		Những suy tư, tình cảm của tác giả trước khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống, con người nơi Đất Mũi
"Giờ thì mấy anh em tôi ... nói chuyện một mình"	Cảm xúc của tác giả khi chứng kiến thực tế đời sống con người ở vùng Đất Mũi		
"Bên cạnh tôi, những cây đước ... thân đước mới"	Cảm xúc của tác giả trước những khó khăn, bộn bề mà con người Đất Mũi đã trải qua		
Về Sài Gòn, tôi lẩn mẩn ... quê xứ"	Suy tư của tác giả về tình yêu của Nguyễn Tuân dành cho Đất Mũi		Suy tư của tác giả về sự gắn kết của Nguyễn Tuân và Đất Mũi
"Tôi về, mang theo ... cay nhòe"	Cảm xúc của tác giả khi rời Đất Mũi	**Phần 3. Kết**	

=> Nhận xét:

- **Đề tài** của tản văn "Cà Mau quê xứ": Khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống con người ở quê xứ Cà Mau

- **Tâm thế của tác giả:**

+ Là tâm thế của một người "đi chơi", muốn đến những miền đất lạ để tìm niềm hứng khởi mới, để được trải nghiệm bằng tất cả các giác quan và cảm xúc.

+ Tâm thế đó có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình sáng tạo nghệ thuật nói chung và đặc biệt với thể loại tản văn nói riêng. Nó đánh thức khả năng khám phá về vùng đất và con người nơi đây. Nó gọi lên trong lòng người viết những cảm xúc mới mẻ, những quan sát và suy ngẫm có chiều sâu, những liên tưởng kết nối giữa hiện tại với quá khứ, giữa văn chương và cuộc đời, giữa hiện thực và ước vọng.

2. Khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống con người nơi Đất Mũi Cà Mau

	Ghi chép thực tế	Cảm nhận của "tôi"	Thái độ, tình cảm của "tôi"
Địa hình, khung cảnh thiên	- Doi đất con bằng phẳng - Hai phía đông tây đều giáp biển - Buổi trưa tràn	- Hao hao một góc Gò Nổi miền Trung - Bình minh và hoàng hôn của	- Khao khát được đến Đất Mũi Cà Mau để thỏa nỗi "khát thèm hạt phù sa ròng ròng tươi

Nhóm 1,2 Nhóm 3,4 Nhóm 5,6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm

Nhóm 1,2: Cà Mau trong đời thực

Thực hiện yêu cầu:

1. Tính chất tươi mới, sống động của vùng Đất Mũi được thể hiện qua những khung cảnh, nhân vật nào trong văn bản?
2. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ trong văn bản.

Nhóm 3,4. Cà Mau trong "tôi"

Thực hiện yêu cầu:

1. Sắc màu riêng của vùng Đất Mũi hiện lên như thế nào trong nhân vật "tôi"?
2. Khi đến với Mũi Cà Mau, nhân vật "tôi" có những cảm xúc gì? Cảm xúc đó góp phần tạo nên chất trữ tình cho bài tản văn như thế nào?

Nhóm 5,6. Cà Mau trong văn học, nghệ thuật

Thực hiện yêu cầu:

1. Đến với Mũi Cà Mau, nhân vật "tôi" liên tưởng đến những nhà thơ, nhà văn nào đã có duyên nợ với vùng đất này? Những liên tưởng đó có ý nghĩa gì?
2. Đất Mũi Cà Mau còn xuất hiện trong những loại hình nghệ thuật nào khác? Chọn 01 dẫn chứng để minh họa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm khác lắng nghe, đánh giá

nhiên, sản vật	ngập nắng - Cột mốc, cây đước, bùn lầy, gió Lào - Con tôm và cây đước là sản vật của Cà Mau	một ngày đều treo trên cùng một cây đước - Nắng tưng bừng muốn khô quăn mấy đọt phù sa. - Những cây đước đóng mình xuống phù sa vóc dáng trầm ngâm. - Những vạt rừng đước cường tráng xanh rậm rì	mới". Xúc động khi rời xa: "Mang theo cái nhìn lánh đen như than đước của cô gái không tên gặp ở Năm Căn, than đước không có khói nhưng "mắt tôi chợt cay nhòe"" - Bồi hồi xúc động trước những kiểu bày tỏ niềm xúc động của mọi người với xứ Cà Mau "Người ôm cây cột mốc ..." - Yêu mến từng khung cảnh của Đất Mũi Cà Mau
Cuộc sống con người	- Con người Cà Mau: + Cô bé Trương Lệ Duyên ở ban quản lí Khu du lịch văn hóa Mũi Cà Mau + Cô hàng trái cây trên chợ nổi Phụng Hiệp ... "Nhà em ở Ngã Năm Sóc Trăng, xứ ấy ..." + Ông lão xe lôi nằm ghếch chân hút thuốc ... "Tui từ xứ Bạc Liêu qua" + Anh Ba Phúc vốc thêm mấy con ghẹ mới hấp ... "Mấy anh cứ ..." + "Phó Mũi" Lê Hoàng Liêm "Khó lắm các anh à..."	- Áo trắng của Duyên hắt vào tôi một mảng mây ngàn tuổi - "Phó Mũi" Lê Hoàng Liêm gầy gò, gương mặt cứ quặn lại	- Đồng cảm, yêu mến, cảm phục con người Cà Mau. - Xúc động khi rời xa Mang theo cái nhìn lánh đen như than đước của cô gái không tên gặp ở Năm Căn, than đước không có khói nhưng "mắt tôi chợt cay nhòe"
	- Ngôi nhà số 1 của xã Đất Mũi + Ngôi nhà sàn dựng vách bằng lá dừa nước; + Cheo leo giữa biển; tách biệt với xóm nhà bên kia + Được dẫn ra bởi cây cầu kết từ thân cây đước	- Cảm giác về xứ thật chon von, khi được ngồi trong chính ngôi nhà cuối cùng của dải đất hình chữ S.	
	- Cuộc sống mưu sinh: + Khoảng đôi chục đàn bà con gái đang ngồi lột ghe tại cơ sở gia công nhà anh Phúc chị Tuyết ... Giá thành của ghẹ ... số lượng nhân công ... tiền công chính vụ ...	- Nói cười, chọc ghẹo nhau ... - Chị Tuyết thoăn thoắt ...	- Vui mừng khi cuộc sống con người mỗi ngày một sung túc.

phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.

	+ Việc lựa chọn kế sinh nhai cho con người Đất Mũi: Khi tôm Cà Mau "ôm gốc đước", người Cà Mau dời các vạt rừng đước; Khi tôm ngạt thở vì sình lầy, người Cà Mau đốn hạ đước	- Những vạt đước lui dần, cứ thế lui dần như mang theo những bình minh, hoàng hôn lùi xa con người. - Hình dung về những trái đước ... Những trái đước đeo trên cây như những hạt phù sa, đến một ngày cắm thẳng xuống phù sa, mọc lên những thân đước mới.	- Lo lắng cho những bề bộn trong cuộc mưu sinh của con người Cà Mau
Nhận xét	Ở thời điểm bài tản văn ra đời, những khung cảnh, nhân vật nơi Đất Mũi Cà Mau là câu chuyện của thực tại, có tính thời sự nóng hổi, mang hơi thở của cuộc sống bề bộn đang chuyển mình, vận động -> Quan sát dòng chảy của cuộc sống để ghi lại một cách chân thực là thế mạnh của thể loại kí.	Vùng Đất Mũi hiện lên trng nhân vật "tôi" vô cùng độc đáo: - Độc đáo ở địa hình, điều kiện tự nhiên, cùng những sản vật đặc trưng - Độc đáo ở cuộc sống và vẻ đẹp con người: + Con người cần cù làm ăn, tận dụng sự ưu đãi của thiên nhiên để tạo ra đặc sản vùng miền + Con người lăn lộn, đấu tranh, thậm chí có khi phải trả giá cho hành động mưu sinh. Sinh mệnh con người gắn chặt với sự mất còn của rừng đước	- Chất trữ tình trong bài tản văn được bộc lộ qua cảm xúc của nhân vật "tôi" cùng với cách thể hiện đa dạng, độc đáo. - Chất trữ tình có khi được bộc lộ trực tiếp qua cảm xúc của người viết, có khi được thể hiện gián tiếp qua hình ảnh khách quan của khung cảnh, cuộc sống con người nơi Đất Mũi. - Chất trữ tình có mặt xuyên suốt văn bản, trở thành yếu tố nổi trội, đúng với đặc trưng tản văn.

3. Cà Mau trong những liên tưởng văn học, nghệ thuật

- Cà Mau trong những liên tưởng văn học

Giai đoạn	Tác phẩm văn học	Tác giả	Cảm nhận của "tôi"
	Ca dao		"Cà Mau là xứ quê mùa/ Muỗi bằng gà mái cọp tùa bằng trâu"
Trước Cách mạng	Thơ: "Hành phương Nam"	Nguyễn Bính	Nguyễn Bính dằn chén hắt rượu qua đầu buổi *Hành phương Nam* "Quê nhà xa lắc xa lơ đó/ Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay"
Kháng chiến chống Mỹ	Kí: "Khi nào Bắc Nam đã được thống nhất, anh sẽ vô thăm đâu trước hết?"	Nguyễn Tuân	Mỗi trang kí, trang thư, trang thơ gieo mầm dưới mỗi câu chữ là hạt hi vọng ... Những cái phai ấy, bây giờ mở ra xem lại, thấy thật khó và chậm ...
	Kí "Bức thư Cà Mau"	Anh Đức	
	Thơ "Mũi Cà Mau"	Xuân Diệu	
	Truyện ngắn	Sơn Nam	Tôi cũng ưa nhớ tới câu chuyện này hơn ...

	"Hương rừng Cà Mau"		
Thế kỉ XXI	Truyện ngắn: "Đất Mũi mù xa"	Nguyễn Ngọc Tư	Tới bây giờ tôi ưa những dòng này của cô Tư ...

=> Nhận xét: Mũi Cà Mau là miền đất khơi gợi nhiều cảm hứng sáng tạo cho các nhà văn nhà thơ. Đến với Mũi Cà Mau cũng là đến với một "vùng văn chương".

Mỗi nhà văn nhà thơ đều có một tình yêu riêng, một cách thể hiện riêng như Nguyễn Tuân đã đi theo cách riêng của mình, trở về Cà Mau tạ ơn người sinh ra quê xứ.

- Cà Mau trong những liên tưởng nghệ thuật

+ Âm nhạc: *Hương tràm*, sáng tác Vũ Hoàng; Thương về Cà Mau, sáng tác Vũ Đức Sao Biển ...

+ Hội họa:

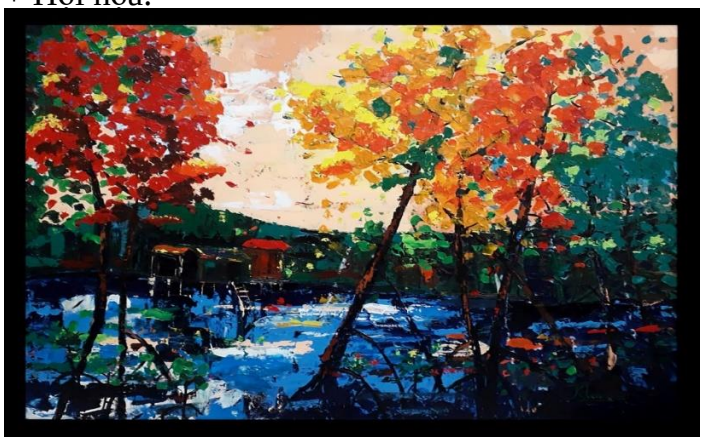

Tác phẩm "Xóm nhỏ chuyển mùa". Họa sĩ: Lý Kiều Loan.

+ Điện ảnh: Ký sự *Về Đất Mũi Cà Mau*

https://youtu.be/5U3ZWn4xWKQ

4. Nghệ thuật đặc sắc văn bản

- Cách sử dụng ngôn từ độc đáo

+ Sử dụng những từ ngữ mang màu sắc hiện đại: *ổ cứng* cảm xúc, bộ *xi đi* võng mạc, những cái *phai* Nguyễn Tuân, Anh Đức...

+ Sử dụng các từ láy tượng hình giàu sức gợi "Cảm giác về xứ thật chon von ..."; "nằm cheo leo"

+ Sử dụng từ ngữ địa phương Nam Bộ phù hợp với cách ăn nói của con người nơi đây: "mấy con ghẹ hấp thiệt ngon ...", "xề lại xây chừng ...", "không dìa Cà Mau ..."

+ Tạo ra các cách kết hợp từ độc đáo: "mấy đọt phù sa thơ ..."

	- Cách sử dụng các biện pháp tu từ: + Phép chuyển nghĩa gợi liên tưởng bất ngờ "Áo trắng của Duyên hắt vào tôi một mảng mây ngàn tuổi" + Sử dụng các biện pháp tư từ nhân hóa, ẩn dụ, liệt kê. VD: "những hạt phù sa sinh nở khởi từ hai chữ "quê nhà" ..."

2.3: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** Tác phẩm là những trải nghiệm của tác giả trên đất mũi Cà Mau và những tình cảm của nhà văn dành cho nơi đây. Qua ngòi bút của tác giả, chúng ta thấy hiện lên trước mắt một bức tranh đặc sắc về vùng đất Cà Mau giản dị đơn sơ mà con người thì chất phác thật thà. **2. Nghệ thuật:** - Sự kết hợp giữa tính xác thực, khách quan của sự việc được tái hiện và tính biểu cảm gắn với cảm xúc chủ quan của người viết. - Ngôn ngữ sáng tạo, độc đáo kết hợp với các biện pháp nhân hóa, liệt kê, ẩn dụ, phép chuyển nghĩa liên tưởng.

2.5: Hướng dẫn cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại tản văn

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại tản văn.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu tản văn "Cà Mau quên xứ" của	**V. Cách đọc hiểu một tác phẩm kí văn học** 1. Đọc văn bản, nhận diện đặc điểm thể loại tản văn. 2. Tìm hiểu các thông tin về các tác giả, hoàn cảnh

Trần Tuấn, em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một tác phẩm tản văn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	ra đời tác phẩm. 3. Đọc kĩ văn bản, dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung các vấn đề về hiện thực, xã hội, con người ... được tác giả biểu hiện qua ngôn ngữ trong văn bản. 4. Nhận diện và phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản. 5. Từ việc phân tích nội dung hiện thực được phản ánh, phát hiện góc nhìn, thái độ của tác giả, suy nghĩ, cảm nhận tư tưởng, quan niệm của người viết về những vấn đề nhân sinh, xã hội. 6. Liên hệ với bản thân và thực tại để thấy ý nghĩa của thể loại tản văn đối với cuộc sống và con người.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu và hệ thống được kiến thức trong bài học.

b. Nội dung: HS hệ thống kiến thức và thiết kế một profile về bài học

c. Sản phẩm: Profile "Cà Mau quê xứ" của Trần Tuấn

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- Hai bàn một nhóm
- Thiết kế profile hệ thống kiến thức về tác phẩm "Cà Mau quê xứ" của Trần Tuấn trên phần mềm Canva hoặc trên giấy A0

Mẫu profile

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ thực hiện theo nhóm, tại nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp ảnh gửi hoặc gửi đường link sản phẩm

HS đánh giá sản phẩm theo bảng kiểm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, kết luận

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM THIẾT KẾ PROFLE
TÁC PHẨM "CÀ MAU QUÊ XỨ" CỦA TRẦN TUẤN
(THEO NHÂN VẬT CHÍNH)

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Profile đã giới thiệu những nét chính về tác giả Trần Tuấn	☐	☐
2	Profile đã giới thiệu rõ bố cục của tác phẩm	☐	☐

3	Profile đã giới thiệu được đặc điểm về khung cảnh, cuộc sống con người vùng Đất Mũi Cà Mau qua tác phẩm	☐	☐
4	Profile đã giới thiệu được cảm xúc, thái độ, tình cảm của nhân vật "tôi" – tác giả Trần Tuấn	☐	☐
5	Profile đã giới thiệu được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài tản văn và đặc trưng nổi bật của tản văn	☐	☐
6	Profile đảm bảo tính ngắn gọn, các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp	☐	☐
7	Profile đảm bảo tính hệ thống, khoa học, mạch ý sáng rõ	☐	☐
8	Profile có hình ảnh minh họa phù hợp	☐	☐

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về truyện ngắn giải quyết một tình huống cụ thể.

b. Nội dung: HS sáng tác một truyện ngắn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Một truyện ngắn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp làm 4 nhóm. Giao nhiệm vụ: Từ 03 văn bản về tùy bút, truyện kí, tản văn trong bài "Ghi chép và tưởng tượng" (Sách Ngữ văn 11, bộ sách KNTTVCS), hãy sáng tác một văn bản văn học, đảm bảo các yêu cầu sau: - **Thể loại**: Chọn một trong ba thể loại: tùy bút, truyện kí, tản văn. - **Đề tài:** Chọn một trong hai đề tài: Gia đình, quê hương - **Dung lượng**: Khoảng 500 chữ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc theo nhóm, tại nhà. Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 01 tuần. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Các nhóm HS gửi sản phẩm lên nhóm zalo lớp. Các HS đọc, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chủ động đọc, nhận xét từng tác phẩm sau khi học xong bài 07.	Một văn bản văn học

THANG ĐÁNH GIÁ SÁNG TÁC MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC Hướng dẫn: Hãy ghi lại mức độ đạt được của sản phẩm. Với mỗi tiêu chí, hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ đạt, cụ thể: Mức độ 1: Đạt yêu cầu Mức độ 2: Khá Mức độ 3: Tốt Mức độ 4: Rất tốt				
4	3	2	1	A. Nhan đề tác phẩm thể hiện được đề tài/ chủ đề tác phẩm; ngắn gọn; hình ảnh
4	3	2	1	B. Đảm bảo đặc trưng của từng thể loại - Truyện kí: Câu chuyện về người thật, việc thật nhưng vẫn có yếu tố hư cấu - Tùy bút: Có tính tự do, bố cục linh hoạt, nghiêng hẳn về tính trữ tình với điểm tựa là cái tôi của tác giả. - Tản văn: Kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình cùng các yếu tố bổ trợ thể hiện những rung cảm thẩm mĩ và quan sát của người viết về đối tượng.
4	3	2	1	C. Nội dung tác phẩm thể hiện được đúng đề tài/ chủ đề
4	3	2	1	D. Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt
4	3	2	1	E. Ngôn ngữ độc đáo, thể hiện được cá tính người viết.
4	3	2	1	D. Sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ, nhiều kiểu câu
4	3	2	1	F. Đảm bảo dung lượng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ / *Tiêu chí*	***Tốt*** ***(4 điểm)***	***Khá*** ***(3 điểm)***	***Trung bình*** ***(2 điểm)***	***Cần điều chỉnh*** ***(1 điểm)***
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến

		chung.		chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt (Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng) (tiếp theo)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

THỰC HÀNH ĐỌC Ở NHÀ

CÂY DIÊM CUỐI CÙNG

(Trích *Chuyện trò*, Cao Huy Thuần)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tản văn theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

- Nắm được những kiến thức về tác giả Cao Huy Thuần và tản văn: *Cây diêm cuối cùng*

2. Phẩm chất. Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video: (Từ 0:00 đến 5:00)

https://youtu.be/pEjjv3z7uX8

- Video đã đưa chúng ta đến với địa danh nào? Khung cảnh thiên nhiên ở đó có gì đặc biệt?
- Hãy tưởng tượng một bối cảnh: Em là một người lính tham gia cuộc chiến trên đỉnh núi của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Em đã bị lạc đồng đội và đối mặt với kẻ thù của chính mình trong đêm tối, giữa cái giá lạng của băng tuyết. Khi đó, tâm trạng, cảm xúc của em sẽ như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 3 – 5 HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Chiến tranh vốn không phải là mong muốn của nhân loại chúng ta. Và một cuộc chiến diễn ra trên những dãy núi Hy Mã Lạp Sơn lại càng là điều tồi tệ. Thế nhưng, trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, vẫn sẽ xảy ra những sự kiện lịch sử mà loài người không mong muốn. Cuộc chiến trên dãy Hy Mã Lạp Sơn trong "Cây diêm cuối cùng" của Cao Huy Thuần cũng đã để lại trong kí ức của nhân vật "tôi" bao nỗi niềm trăn trở cùng với một khát khao cháy bỏng về một ánh lửa từ cây diêm cuối cùng sẽ xua tan đi băng giá của Hy Mã Lạp Sơn, xua tan đi băng giá trong lòng người. Hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng đến một lát cắt trong ký ức của Cao Huy Thuần qua tản văn "Cây diêm cuối cùng"

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Cao Huy Thuần và tác phẩm *Cây diêm cuối cùng*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). https://youtu.be/lZXxClxhjYY **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày nhanh 1 phút	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** **1. Tác giả Cao Huy Thuần** **a. Tiểu sử** - Giáo sư Cao Huy Thuần sinh năm 1937 tại Bình Sơn, Quảng Ngãi. - Là người Việt sinh sống tại Pháp từ năm 1964. Trước khi về hưu ông là giáo sư về ngành chính trị học tại đại học Picardie, Pháp. **b. Sự nghiệp văn học** - Thượng đế, Thiên nhiên, Người, Tôi và Ta (Triết lý luật và tư tưởng Phật giáo) (2000) - Giáo sĩ thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam, 1857-1914 (2002)

về tác giả và tác phẩm. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần):	- Từ Đông sang Tây (2005) - Tôn giáo và xã hội hiện đại (2006) - Chuyện trò (2012) **c. Vị trí và tầm ảnh hưởng:** Là người có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp văn hóa và giáo dục Việt Nam. Năm 2017 ông được nhận Giải văn hóa Phan Châu Trinh. **2. Văn bản "Cây diêm cuối cùng"** **a. Thể loại:** Tản văn **b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** - Nằm trong cuốn tản văn "Chuyện trò" được phát hành năm 2012. - "Chuyện trò" gồm có 6 phần: *Chuyện mở đầu và Chuyện cuối, ở giữa là Chuyện tình yêu, Chuyện lạy Phật, Chuyện văn hóa, Chuyện giáo dục*. Trong sáu phần lớn đó là những câu chuyện cùng đề tài với lời kể thoải mái và hóm hỉnh, duyên dáng và thâm sâu. **c. Nội dung** Cây diêm cuối cùng khắc họa hình ảnh nhân vật "tôi" trong cuộc chiến đấu ở đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn, câu chuyện cảm động cây diêm cuối cùng giữa hai nhân vật kẻ thù sau đó và những suy nghĩ về tình cảm con người trong cuộc sống.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm/ Yêu cầu cần đạt
Nhiệm vụ 1. Đọc và xác định sự việc chính **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Mỗi bàn là một nhóm. Đọc lướt văn bản . Xác định nội dung/ sự việc chính của đoạn văn theo bảng kiến thức sau: <table><tr><th>Đoạn</th><th>Nội dung/ Sự việc chính</th></tr><tr><td>"Câu chuyện ... mây trên trời"</td><td></td></tr><tr><td>"Chúng tôi năm người đi tuần ... tỉnh dậy thì trời đã chợt tối"</td><td></td></tr><tr><td>"Lúc đó tôi mới bắt đầu run, ... họng súng vẫn đe dọa"</td><td></td></tr><tr><td>"Tôi tìm cách mồi lửa, ... tôi run toàn thân"</td><td></td></tr></table>	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Đọc, xác định sự việc chính** <table><tr><th>Đoạn</th><th>Nội dung/ Sự việc chính</th></tr><tr><td>1. "Câu chuyện ... mây trên trời"</td><td>Giới thiệu bối cảnh câu chuyện</td></tr><tr><td>2. "Chúng tôi năm người đi tuần ... tuyết hư không"</td><td>Nhân vật "tôi" chạm trán với quân địch và lạc đồng đội.</td></tr><tr><td>3. " Đến chiều, ... chết giống nhau"</td><td>Nhân vật "tôi" lạc đến một ngôi chùa trên núi, tiếp tục chạm trán một-một và bị kiểm soát bởi kẻ thù.</td></tr><tr><td>4. "Tôi lấy lại được niềm tin, ... tôi run toàn thân"</td><td>Nhân vật "tôi" đi tìm củi, đốt lửa để sưởi được kẻ thù ném cho một bao diêm nhỏ nhưng không thể mồi được lửa.</td></tr><tr><td>5. "Với hai bàn tay run ... vì không thiếu câu nào"</td><td>Khi nhân vật "tôi" chuẩn bị bật que diêm cuối cùng, tên lính giặc lao tới giật lấy bao diêm, bật lên lửa, thắp sáng và gục xuống chết bên nhân vật "tôi".</td></tr><tr><td>6. "Sáng sớm hôm sau ...</td><td>Nhân vật "tôi" sống sót, trở về đơn vị.</td></tr></table>

"Với hai bàn tay run ... vì không thiếu câu nào"	
"Sáng sớm hôm sau ... cuối cùng"	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại trên giấy A3

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu văn bản

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm

Nhóm 1: Tìm hiểu yếu tố tự sự trong văn bản

Nhóm 2: Tìm hiểu yếu tố trữ tình trong văn bản

Nhóm 3: Tìm hiểu yếu tố hư cấu trong văn bản

Nhóm 4: Tìm hiểu cách thể hiện cảm xúc, suy tư của tác giả.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Trả lời phiếu học tập theo hình thức kĩ thuật khăn trải bàn

Nhóm 1 – Phiếu học tập số 1

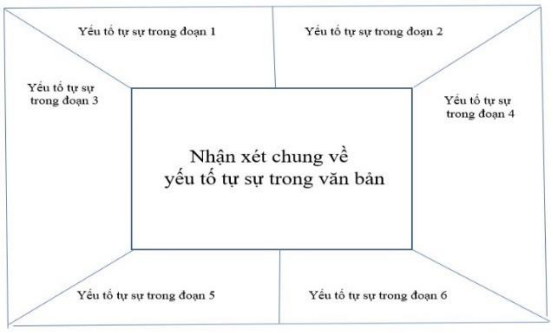

Nhóm 2 – Phiếu học tập số 2

cuối cùng"	Khi chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" quay trở lại và xây dựng lại ngôi chùa, thờ bài vị bài thơ của người lính giặc đã chết.

2. Yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản

Đoạn	Yếu tố tự sự		Yếu tố trữ tình
	Sự việc	Biểu hiện cụ thể	
1	Giới thiệu bối cảnh câu chuyện	- Thời gian, không gian cụ thể: Cách gần nửa thế kỉ; trên đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn. - Nhân vật, sự kiện cụ thể: Cuộc chạm trán giữa "phe tôi" và "phe địch"	- Khung cảnh thiên nhiên, cảm xúc của nv "tôi": "biên giới cũng vô định như mây trên trời"
2	Nhân vật "tôi" chạm trán với quân địch và lạc đồng đội.	- Diễn biến sự việc + Đi tuần lúc mờ sáng + Chạm trán địch, hai bên nổ súng + Địch đông, "tôi và đồng đội tháo lui + Gặp bão tuyết, lạc đồng đội	- Khung cảnh thiên nhiên gây cảm giác mạnh: "Bão càng lúc càng dữ dội ... dữ dội" - Tâm trạng của nhân vật "tôi": "Tôi bám vào núi đi ... Tôi ôm núi như vậy suốt ngày ... hư không"
3	Nhân vật "tôi" lạc đến một ngôi chùa trên núi, tiếp tục chạm trán một-một và bị kiểm soát bởi kẻ thù.	- Thời gian, địa điểm cụ thể: Từ chiều đến tối, tại chùa. - Diễn biến sự việc: + Nhân vật "tôi" sốt mê man. + Nhân vật "tôi" tìm được tấm ván, ... tìm bật lửa ... + Tên lính giặc ném bật lửa cho nhân vật "tôi"	- Trạng thái, cảm xúc của nhân vật "tôi": "Bò mãi, đến khi ... + Khi phát hiện ra tên lính giặc: Tôi giật mình nhìn kĩ, và ớn lạnh xương sống ... Tôi ngồi đờ ra ... Tôi thì chắc chắn đang ở trong thế yếu ...
4	Nhân vật "tôi" đi tìm củi, đốt lửa để sưởi được kẻ thù ném cho một bao diêm nhỏ nhưng không thể mồi được lửa.	- Diễn biến sự việc: + Nhân vật "tôi" tìm được tấm ván, ... tìm bật lửa ... + Tên lính giặc ném bật lửa cho nhân vật "tôi" + 3 lần đầu bật diêm nhưng không cháy + Tên lính giặc ném cho nv "tôi" mảnh giấy ... + Lần thứ 4 que diêm ko cháy ...	- Trạng thái, suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật "tôi": + Khi không có bật lửa: sự thất vọng, run choáng váng + Khi tên lính giặc ném cho bao diêm + Khi đốt diêm không cháy và biết tên lính giặc là thi sĩ + Khi chỉ còn que diêm cuối cùng

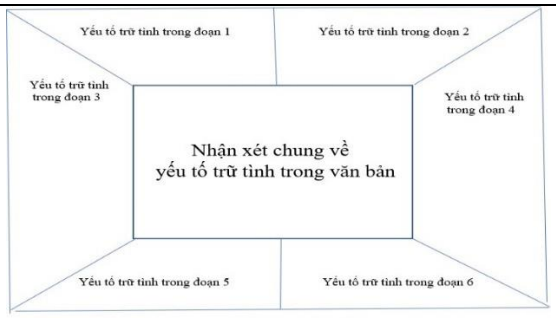

Nhóm 3 – Phiếu học tập số 3

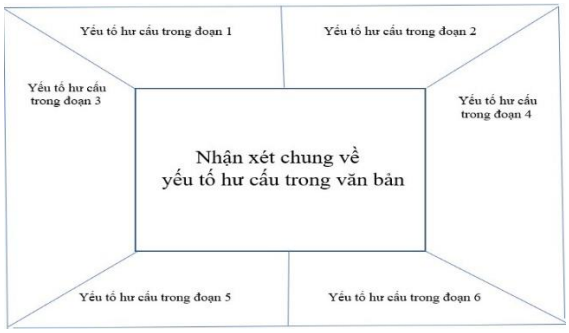

Nhóm 4 – Phiếu học tập số 4

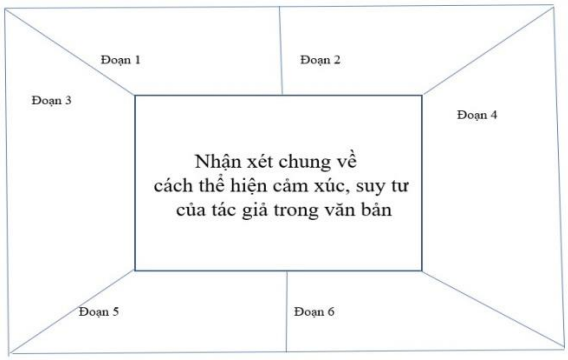

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm trình bày.
- Các nhóm khác lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề

5	Khi nhân vật "tôi" chuẩn bị bật que diêm cuối cùng, tên lính giặc lao tới giật lấy bao diêm, bật lên lửa, thắp sáng và gục xuống chết bên nhân vật "tôi".	- Diễn biến sự việc: + Nv "tôi" toan bật diêm thì tên lính giặc lao tới ... + Nv tôi vớ lấy cây dao ... tên lính giặc bẻ quặt tay nv "tôi", giật con dao ném xuống đất + Tên lính bật que diêm, châm lửa, lửa cháy + Tên lính giặc quỵ xuống và chết + NV "tôi" ôm người lính bất động	- Khung cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng: tuyết hết rơi, trăng sáng vằng vặc. - Vẻ đẹp của trăng: như khuôn mặt nhân hậu; nụ cười bao dung ... - Dòng tâm trạng, suy nghĩ của nv "tôi": + Khi người lính lao đến giật lấy bao diêm, bật lên: "Tôi có thể chấm dứt ..." + Khi nv "tôi" ôm người lính trong tay: "Như vậy là anh ta đã bị thương ...
6	Nhân vật "tôi" sống sót, trở về đơn vị. Khi chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" quay trở lại và xây dựng lại ngôi chùa, thờ bài vị bài thơ của người lính giặc đã chết.	- Thời gian, không gian, sự việc cụ thể: sáng hôm sau, đơn vị, chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" xây chùa ...	- Tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật 'tôi": "Tôi xây chùa ... cứu chất người trong nhau. - Chi tiết: Thờ bài vị là bài thơ của người lính, bài thơ không cần dịch để hiểu

=> Nhận xét:

Cách kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong bài tản văn độc đáo ở chỗ bên cạnh những chi tiết miêu tả sự việc diễn ra của nhân vật, tác giả luôn đan xen những lời nói độc thoại, những câu văn diễn tả tình cảm, cảm xúc của nhân vật trong truyện. Bởi nhân vật "tôi" không phải một người vô cảm, anh sợ sệt nhưng dũng cảm và cũng vị tha. Yếu tố trữ tình đã tạo nên điểm nhấn cho tác phẩm bằng những lời độc thoại, tâm tư của nhân vật "tôi".

2. Yếu tố hư cấu và cách thể hiện cảm xúc, suy tư của tác giả

Đoạn	Yếu tố hư cấu		Cách thể hiện cảm xúc, suy tư của tác giả
	Sự việc	Biểu hiện cụ thể	
1	Giới thiệu bối cảnh câu chuyện	Chưa có	- Ngôi kể thứ nhất; điểm nhìn nhân vật - Hình ảnh thiên nhiên kì vĩ. - Biện pháp nghệ thuật so sánh "dãy núi non mà biên giới cũng vô định như mây trên trời"
2	Nhân vật "tôi" chạm trán với quân địch và lạc đồng đội.	- Nhân vật "tôi" ôm núi suốt một ngày trong bão tuyết lớn nhưng vẫn sống sót	- Hình ảnh thiên nhiên dữ dội - Biện pháp so sánh, liệt kê; các động từ. - Câu văn trần thuật với nhịp văn linh hoạt; giọng điệu sợ

			hãi, có lúc tuyệt vọng.
3	Nhân vật "tôi" lạc đến một ngôi chùa trên núi, tiếp tục chạm trán một-một và bị kiểm soát bởi kẻ thù.	- Nhân vật "tôi" bò quanh núi - Người lính giặc không nổ súng khi chạm trán với nhân vật "tôi"	- Lời độc thoại; độc thoại nội tâm - Ngôn ngữ nửa trực tiếp - Kết hợp các biện pháp so sánh, liệt kê ...
4	Nhân vật "tôi" đi tìm củi, đốt lửa để sưởi được kẻ thù ném cho một bao diêm nhỏ nhưng không thể mồi được lửa.	- Nhân vật "tôi" vừa ở trạng thái kiệt sức, sốt mê man nhưng lại tỉnh táo để đi tìm củi, chẻ ván, dựng bếp lửa ... - Người lính giặc ném bao diêm cho nhân vật "tôi"	- Biện pháp liệt kê - Nhịp văn ngắn, giọng văn linh hoạt khi nhanh khi chậm vừa khắc họa hành động của nhân vật "tôi" vừa thể hiện sự vận động trong suy nghĩ, dòng tâm trạng của nhân vật.
5	Khi nhân vật "tôi" chuẩn bị bật que diêm cuối cùng, tên lính giặc lao tới giật lấy bao diêm, bật lên lửa, thắp sáng và gục xuống chết bên nhân vật "tôi".	- Trong giây phút bức bách, nhân vật "tôi" vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của trăng - Người lính giặc bị chảy máu chết ngay khi giật lấy que diêm để bật	- Hình ảnh vầng trăng. - Biện pháp liệt kê, so sánh tầng bậc; một loạt câu hỏi tu từ; điệp ngữ "Tôi muốn chấm dứt câu chuyện ..." - Độc thoại nội tâm.
6	Nhân vật "tôi" sống sót, trở về đơn vị. Khi chiến tranh kết thúc, nhân vật "tôi" quay trở lại và xây dựng lại ngôi chùa, thờ bài vị bài thơ của người lính giặc đã chết.	- Nhân vật "tôi" đủ sức khỏe để trở về đơn vị - Nhân vật "tôi" một mình leo núi hai năm để xây lại chùa hoang.	- Biện pháp liệt kê, điệp ngữ - Chi tiết nghệ thuật: Thờ bài vị là bài thơ của người lính, bài thơ không cần dịch để hiểu

=> Nhận xét

- Tác phẩm có rất nhiều điểm hư cấu như: trong bão tuyết dữ dội, con người có thể vượt qua nó và sống sót, hay việc gặp kẻ thù trong hoàn cảnh éo le nhưng không bị giết ... Yếu tố hư cấu góp phần làm nên thành công, tạo sức hấp dẫn cho tác phẩm.

- Nghệ thuật thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả là yếu tố quyết định tạo nên thành công cho tác phẩm. Nghệ thuật đối lập giữa sự diễn ra quá nhanh của nhân vật với sự tái hiện trong suy nghĩ chậm của "nhân vật tôi", bên cạnh việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật, nhịp văn, giọng điệu linh hoạt; ngôn ngữ nửa trực tiếp ... đã tái hiện chân thực dòng suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật "tôi" sau mỗi hành động

	nhân vật. Đây là một nét đặc sắc của câu chuyện.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Tác phẩm ngợi ca tình yêu thương, lòng vị tha bao dung của con người trong hoàn cảnh khó khăn. - Tác phẩm còn là tiếng nói lên án, đấu tranh chống lại những cuộc chiến tranh phi nghĩa đã đẩy con người vào những hoàn cảnh, số phận bi thương. - Tác phẩm thể hiện niềm tự hào, niềm tin về "chất người" trong mỗi con người của tác giả. => Tác phẩm gửi gắm thông điệp sâu sắc về tình yêu; sự đoàn kết và khát vọng về một thế giới hoà bình, tự do, và bác ái của con người. **2. Nghệ thuật:** - Sử dụng phương thức biểu đạt tự sự kết hợp với yếu tố trữ tình. - Ngôn ngữ nửa trực tiếp; kết hợp linh hoạt các biện pháp nghệ thuật: so sánh, liệt kê, nghệ thuật độc thoại nội tâm ...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nêu cảm nhận về ý nghĩa nhan đề bài tản văn. Cách đặt nhan đề của tác giả có gì đáng chú ý?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.

- Nhan đề bài tản văn là một cụm danh từ "Cây diêm cuối cùng". Đó là hình ảnh về cây diêm cuối cùng trong hộp diêm người lính giặc ném cho nhân vật "tôi". Cây diêm đó là niềm hi vọng cuối cùng của cả hai người lính về sự sống trong hoàn cảnh khó khăn. Hành động cuối cùng của người lính giặc khi chỉ còn que diêm cuối cùng đã thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm
- Nhan đề ngắn gọn, giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa, hé mở tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết so sánh hai tác phẩm cùng thể loại

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Lập bảng so sánh hai bài tản văn "Cà Mau quê xứ" và "Cây diêm cuối cùng" theo những tiêu chí sau:

- Đề tài
- Nội dung chính
- Phương thức biểu đạt
- Yếu tố tự sự
- Yếu tố trữ tình
- Những rung cảm thẩm mĩ và quan sát tinh tế của tác giả

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện bài tập tại nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS kiểm tra chéo bài nhau trước khi chuyển sang bài học mới

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS tại nhà

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt "Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: Đặc điểm và tác dụng"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 74

MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong khi nói và viết.
- Rèn luyện ý thức sử dụng ngôn ngữ và bước đầu biết vận dụng quy tắc ngôn ngữ một cách hiệu quả, sáng tạo; vận dụng vào việc tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.

2. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Thử tài với chữ**"

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp làm 4 nhóm. GV nêu thể lệ trò chơi: - Có 06 câu hỏi. Đội nào trả lời đúng nhiều nhất sẽ là giành chiến thắng. - Các đội chỉ được phất cờ/ bấm chuông/ giơ tay khi cô giáo đọc xong câu hỏi.	Câu trả lời đúng của HS. 1. B 2. D 3. A 4. C 5. B

- Thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 10s **Câu 1.** Cụm từ nào đã có sự thay đổi trật tự từ so với trật tự ban đầu trong hai câu thơ sau? *Thân em vừa trắng lại vừa tròn* *Bảy nổi ba chìm với nước non* (Hồ Xuân Hương) A. Thân em B. Bảy nổi ba chìm C. Nước non D. Vừa trắng lại vừa tròn **Đáp án:** B. Bảy nổi ba chìm (Ba chìm bảy nổi) **Câu 2.** Phương án nào sắp xếp các cụm từ trong hai câu thơ sau theo đúng trật tự các thành phần của câu? *Đã tan tác những bóng thù hắc ám* *Đã sáng lại trời thu tháng Tám* (Tố Hữu) *A. Đã tan tác hắc ám những bóng thù* *Đã sáng lại trời thu tháng Tám* B. *Những bóng thù đã tan tác hắc ám* *Trời đã sáng lại thu tháng Tám* C. *Đã tan tác những hắc ám bóng thù* *Đã sáng lại tháng Tám trời thu* D. *Những bóng thù hắc ám đã tan tác* *Trời thu tháng Tám đã sáng lại* **Đáp án: D** **Câu 3.** Cụm từ nào trong hai câu thơ sau đã bị tách rời so với quy luật thông thường? *Dù ai nói ngả nói nghiêng* *Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân* (Ca dao) A. Nói ngả nói nghiêng B. Ai nói C. Lòng ta vẫn vững D. Kiềng ba chân **Đáp án:** A. Xanh mướt (Vườn ai mướt quá xanh như ngọc) **Câu 4.** Cụm từ nào trong hai câu thơ sau đã có sự chuyển đổi về từ loại? *Người lên ngựa kẻ chia bào* *Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san* (Nguyễn Du) A. Người B. Rừng phong C. Chia bào	6. D 7. B 8. D 9. A

D. Màu quan san **Đáp án: D** **Câu 5. Đâu là từ chứa nét nghĩa mới trong câu thơ sau:** *Nách tường bông liễu bay sang láng giềng* (Nguyễn Du) A. Láng giềng B. Bay sang C. Bông liễu D. Nách tường **Đáp án: D** **Câu 6.** Hiệu quả chính của dấu hai chấm (:) được tác giả sử trong câu thơ: *Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa* (Huy Cận) là gì? A. Diễn tả hai hình ảnh đối lập và quan hệ nhân quả: Bóng chiều nặng làm cánh chim lệch đi và khiến bóng chiều đổ xuống. B. Dấu hai chấm đơn thuần chỉ có tác dụng ngắt câu C. Nhấn mạnh không gian bao la, bát ngát đến vô tận của bóng chiều. D. Nhấn mạnh cánh chim lẻ loi đơn độc đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình **Đáp án: A** **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, trả lời** - HS theo dõi, trả lời câu hỏi - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chúc mừng đội thắng - GV dẫn và bài: Ở bài 2, *Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình, SGK Ngữ văn 11,* tập một, các em đã được tiếp xúc với hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường và các em đã được thấy điều đó trong thơ. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn xuôi.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS nhận biết, phân tích được đặc điểm và tác dụng của các hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường.

b. Nội dung hoạt động: Vẽ sơ đồ hệ thống các hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu một số hiện tượng phá vỡ những quy tác ngôn ngữ thông thường

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1. Tìm hiểu các ví dụ trong hoạt động khởi động	**I. Đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV nêu nhiệm vụ:** Qua các ví dụ trong hoạt động khởi động, các em hãy liệt kê những hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường mà các em đã được học trong bài 2 và nêu tác dụng của việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong tác phẩm nghệ thuật. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc theo cặp hoặc theo bàn. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các cặp, nhóm trình bày. - HS còn lại theo dõi, góp ý, bổ sung, **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	**thông thường: đặc điểm và tác dụng** **1. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường** **2. Tác dụng** - Thể hiện cái nhìn độc đáo của người viết về đối tượng - Gợi những liên tưởng lạ lùng, mới mẻ cho người đọc. - Làm mới cách biểu đạt, tránh sự sáo mòn trong sử dụng từ ngữ

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhận biết và hiểu được hiệu quả của mục đích phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong quá trình giao tiếp, đặc biệt là trong quá trình sáng tạo thơ, văn.

b. Nội dung hoạt động: Cuộc thi "Băng chuyền chữ".

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cuộc thi "Băng chuyền chữ" - GV sắp xếp lớp học thành 4 dãy hàng dọc hoặc 4 dãy hàng ngang. + Mỗi dãy là một đội, HS ngồi đối diện. Số lượng HS trong mỗi đội phụ thuộc vào sĩ số lớp. + Trong mỗi dãy, chia làm 03 trạm: Trạm "Biết chữ", trạm "Hiểu chữ", trạm "Thẩm chữ"	**II. Luyện tập** **Bài 1. Phiếu HT số 1** **Bài 2. Phiếu HT số 2** **Bài 3. Phiếu HT số 3** **Bài 4. Phiếu HT số 4**

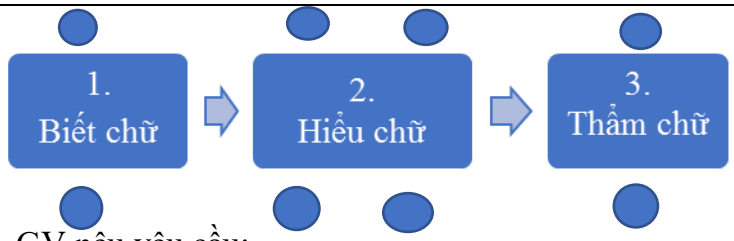

- GV nêu yêu cầu:

+ Mỗi đội có 04 phiếu học tập (tương ứng với 4 bài tập trong sách giáo khoa.

+ Các đội lần lượt hoàn thành từng phiếu học tập lần lượt theo từng bước tương ứng với yêu cầu của từng trạm: Trạm "Biết chữ" thực hiện xong chuyển sang Trạm "Hiểu chữ", Trạm "Hiểu chữ" thực hiên xong chuyển sang Trạm "Thẩm chữ".

++ 1. Trạm "Biết": Nhận diện, gọi tên hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.

++ 2. Trạm "Hiểu": Nêu rõ cụm từ ngữ đó đã phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường như thế nào.

++ 3. Trạm "Thẩm": Nêu rõ hiệu quả của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.

+ Đội nào hoàn thành xong 04 phiếu học tập đúng, trước sẽ giành chiến thắng. Hoặc sau 15 phút, đội nào hoàn thành được nhiều, đúng phiếu học tập sẽ giành chiến thắng. Không được ngắt quãng các trạm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các đội thực hiện nhiệm vụ.

GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập.

Các đội khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV chốt kiến thức, nhận xét các nhóm

Phiếu học tập số 1

	Biết chữ	Hiểu chữ	Thẩm chữ
a	Xanh om cổ thụ Tròn xoe tán Trắng xóa tràng giang Phẳng lặng tờ	- Sử dụng hình thức đảo ngữ, đảo tính từ lên trước danh từ và kết hợp từ trái lô gic. - QLTT: *Cổ thụ xanh om; tán tròn xoe; tràng giang trắng xóa; phẳng lặng như tờ.*	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu thơ. Nhấn mạnh sắc màu, hình dáng, vẻ đẹp, sức sống của thiên nhiên và sự lặng tờ của dòng sông. Cho thấy tâm hồn nhạy cảm của tác giả, sự

b	Nhiều trăng	Kết hợp từ trái lo gic: lượng từ "nhiều" hay "ít" không thể kết hợp với danh từ *trăng* vì *trăng* chỉ có một.	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu thơ. Nhấn mạnh ánh sáng của trăng. Gợi liên tưởng độc đáo, mới lạ. Tạo nên câu thơ độc đáo.

Phiếu HT số 2

	Biết chữ	Hiểu chữ	Thẩm chữ
a	Bát ngát tiếng gà	Kết hợp từ trái lô gic: "bát ngát" là từ chỉ không gian, không thể bổ nghĩa cho "tiếng gà" – vô hình, vô thể QTTT: Xao xác tiếng gà; vang rộn tiếng gà	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu văn. Khắc họa không gian rộng mở, mênh mông của sông Hương khi gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn
b	Lỏng tay thơ thẩn	Kết hợp từ trái lô gic: "Lỏng tay"' là động từ khi nói về việc cầm, nắm một vật gì đó. "Thơ thẩn" là trạng thái của con nười => Nét nghĩa mới: Không quá chặt chẽ, khắt khe QTTT: Thảnh thơi thơ thẩn với Cà Mau	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu văn. Khắc họa trạng thái tâm lí thoải mái, nhẹ nhàng của tác giả khi đến với Cà Mau Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn

Phiếu học tập số 3 (Bài 3)

Biết chữ	Hiểu chữ	Thẩm chữ
Các cụm từ kết hợp hợp lí với "cái nắng": Cái nắng gay gắt Cái nắng bỏng rát Cái nắng rực rỡ Cái nắng triền miên	Kết hợp từ trái lô gic. "Miệt mài" là tính từ diễn tả trạng thái tập trung khi làm một việc gì đó của con người. "Miệt mài" không thể kết hợp được với "nắng", một hiện tượng vô tri vô giác của thiên thiên.	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu văn Khắc họa ánh nắng kéo dài ở miền Trung. Nắng được nhân hóa như con người, có tính cách siêng năng, cần cù "miệt mài" chiếu ánh sáng. Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn

Phiếu học tập số 4 (Bài 4)

	Biết chữ	Hiểu chữ	Thấm chữ
a	Đọt phù sa	- Kết hợp từ trái logic: "đọt" là phần trên cùng của cây (ngọn cây); "phù sa" vốn không có nét, có hình. Hai từ vốn không kết hợp được với nhau. - Đặt trong ngữ cảnh "đọt phù sa" không nói về đất đai mà nói về thơ ca	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, cho câu văn. Khắc họa về một thứ thơ tươi mới, non tơ, tràn trề nhựa sống Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn
b	Áng tóc trữ tình	- Kết hợp từ trái logic: "áng" là từ thường gặp trong "áng thơ, áng mây, áng văn"; "Áng tóc" là hai từ vốn không kết hợp với nhau. "Trữ tình" là từ thể hiện sự cất chứa tình cảm. "Áng tóc" vốn không cất chứa tình cảm.	Tăng sức gợi hình, gợi cảm, chất thơ cho câu văn. Khắc họa độ dài và vẻ đẹp dịu dàng, trữ tình của sông Đà. Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn
b	Cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân	- Trật tự từ không theo quan hệ logic (đảo từ). - QTTT: cuồn cuộn khói đốt nương vào ngày xuân, bốc mù trên những dãy núi người Mèo ở.	Tăng sức gợi hình, gợi cảm. Câu văn mất đi cái rõ ràng và gợi nhiều liên tưởng. Khắc họa khung cảnh thiên nhiên đẹp, huyền ảo trên những nương rẫy. Cho thấy tâm hồn nhạy cảm, tài năng sử dụng ngôn ngữ của nhà văn

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhận diện và hiểu được hiệu quả của những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong cuộc sống hằng ngày.

b. Nội dung hoạt động: HS phát hiện, tìm hiểu về hiệu quả sử dụng của những hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường.

c. Sản phẩm: Ảnh chụp và câu hỏi trả lời trong vở.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **(Về nhà)** - GV chia lớp thành các cặp. - Giao nhiệm vụ: + Trên đường đi học về, các em hãy quan sát các biển quảng cáo, các biển hiệu cửa hàng để phát hiện ra những tấm biển có cách sử dụng ngôn ngữ phá vỡ quy tắc thông thường và chụp ảnh lưu lại. Mỗi cặp chụp 02 – 03 bức ảnh.	Ảnh chụp và câu trả lời của HS

+ Viết lại tên biển hiệu đã chụp (yêu cầu ghi rõ cả địa chỉ cụ thể) vào trong vở bài tập, phân tích rõ sự phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường và nêu hiệu quả của sự phá vỡ đó. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (các cặp)** HS chủ động thực hiện. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau.	

Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
ĐỘI .....

Bài 1, SGK/51.

	Trạm "Biết chữ" Nhận diện câu thơ có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường	**Trạm "Hiểu chữ"** Giải thích rõ sự phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.
a		
b		

	Trạm "Thẩm chữ" Nêu hiệu quả của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường
a	
b	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
ĐỘI .....

Bài 2, SGK/51.

	Trạm "Biết chữ" Nhận diện cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường trong câu văn	**Trạm "Hiểu chữ"** Giải thích rõ sự kết hợp từ không bình thường trong câu văn
a		
b		

	Trạm "Thẩm chữ" Nêu hiệu quả của cách kết hợp từ không bình thường trong câu văn
a	
b	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
ĐỘI .....

Bài 3, SGK/51.

Trạm "Biết chữ"	**Trạm "Hiểu chữ"**
Tìm các từ ngữ có cách kết hợp từ hợp lí với cụm từ "cái nắng"	Giải thích rõ sự kết hợp không hợp lí của cụm từ "cái nắng miệt mài"

Trạm "Thẩm chữ" So sánh các cụm từ kết hợp hợp lí với cụm từ "cái nắng miệt mài" để thấy được hiệu quả của cách kết hợp từ không bình thường trong câu văn

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
ĐỘI .....

Bài 4, SGK/51.

	Trạm "Biết chữ" Nhận diện cụm từ có cách kết hợp từ không bình thường trong câu văn	**Trạm "Hiểu chữ"** Giải thích rõ đặc điểm các cụm từ
a		
b		

	Trạm "Thẩm chữ" Nêu hiệu quả của cách kết hợp từ không bình thường trong câu văn
a	
b	

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản thuyết minh một sự vật hoặc một hiện tượng trong đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết: 75,76

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy viết: **HS biết viết bài thuyết minh** về một hiện tượng xã hội đáng quan tâm, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

2. Phẩm chất

- Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS theo dõi 02 video thuyết minh về Sách giáo khoa Ngữ văn 11 và hiện tượng GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV hướng dẫn HS xem 02 video sau:
https://youtu.be/D_vXzNGIBN4 (từ phút 13:20 đến phút 25:25)
https://youtu.be/OxhC7uVdd3c
- HS thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu trả lời.
<table>
<tr><th>Yêu cầu cần tìm hiểu</th><th>Video 1</th><th>Video 2</th></tr>
<tr><td>Đối tượng đề cập</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Những thông tin chính</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Trình tự cung cấp thông tin</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ý nghĩa của việc</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td><td>Phiếu trả lời và phần trình bày của HS</td></tr>
</table>

cung cấp thông tin		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận cặp đôi, sau đó tráo đổi thành viên các cặp để hoàn thiện, bổ sung kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện các cặp chia sẻ ý kiến.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét chốt vấn đề:

Yêu cầu cần tìm hiểu	Video 1	Video 2
Đối tượng đề cập	SGK Ngữ văn 11 Bộ Kết nối	Hiện tượng miệt thị ngoại hình
Những thông tin chính	- Cấu trúc sách -Cấu trúc bài học	- Thực trạng hiện tượng - Giải thích khái niệm - Nguyên nhân của hiện tượng - Hậu quả của hiện tượng
Trình tự cung cấp thông tin	Theo các thành tố của đối tượng	- Cấu trúc nguyên nhân - hệ quả - giải pháp
Ý nghĩa của việc cung cấp thông tin	Hiểu rõ hơn về quyển sách Ngữ văn 11 bộ KN	Hiểu về hiện tượng và có các giải pháp ngăn chặn.

- GV dẫn dắt vào bài:

Giới thiệu về một sự vật hoặc một hiện tượng trong đời sống xã hội là một yêu cầu thường xuất hiện trong quá trình học tập, làm việc, sinh hoạt của con người. Vậy làm thế nào để có thể giới thiệu được một cách đầy đủ các thông tin, theo một trình tự nhất định và hấp dẫn được người nghe, người đọc? Yêu cầu trước tiên là chúng ta cần có một bài viết với những thông tin đầy đủ, chính xác được sắp xếp hợp lý. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ đến với bài "Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội"

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

- HS hiểu được ứng dụng của bài viết thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

b. Nội dung hoạt động

- GV tổ chức cho học sinh đọc và nắm những yêu cầu của một bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

c. Sản phẩm

Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm/ Yêu cầu cần đạt</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu cho HS đọc phần Yêu cầu, SGK trang 52 và điền thông tin vào bảng kiến thức sau.
Thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội
<table>
<tr><th>Các bước</th><th>Nội dung cụ thể</th><th>Yếu tố bổ trợ</th></tr>
<tr><td>Bước 1</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bước 2</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bước 3</td><td></td><td></td></tr>
</table>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
GV gọi đại diện 2 cặp báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt kiến thức.
</td><td>
I. Yêu cầu của kiểu bài
Thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội
<table>
<tr><th>Các bước</th><th>Nội dung cụ thể</th><th>Yếu tố bổ trợ</th></tr>
<tr><td>Bước 1</td><td>Nêu rõ hiện tượng xã hội được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản giúp người đọc hình dung bước đầu về hiện tượng.</td><td rowspan="3">Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm hoặc nghị luận.</td></tr>
<tr><td>Bước 2</td><td>Làm sáng tỏ nguyên nhân của hiện tượng, tác động tích cực hoặc tiêu cực của hiện tượng đối với đời sống, nêu được giải pháp phát huy hiện tượng tích cực hoặc khắc phục hiện tượng tiêu cực.</td></tr>
<tr><td>Bước 3</td><td>Rút ra ý nghĩa của việc thuyết minh hiện tượng hoặc tác dụng của các giải pháp được đề xuất.</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

2.1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội
- HS viết được một văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 52-54 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm/ Yêu cầu cần đạt</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và hoàn thiện bảng kiến thức sau:
<table>
<tr><th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Hiện tượng được thuyết minh</td><td></td></tr>
<tr><td>Thực chất của hiện tượng</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
II. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo
<table>
<tr><th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Hiện tượng được thuyết minh</td><td>Hiện tượng miệt thị ngoại hình</td></tr>
<tr><td>Thực chất của hiện tượng</td><td>Dùng lời lẽ chê bai, dè bỉu, xúc phạm nhằm vào dung mạo, thân hình, màu da, ... của người khác, từ đó, gây ra những tổn thương tâm lí cho đối tượng.</td></tr>
<tr><td>Trình tự triển khai</td><td>Cấu trúc: Nguyên nhân – hệ quả - giải pháp</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Trình tự triển khai bài viết	
Ý nghĩa của việc nhận thức đúng về hiện tượng thuyết minh	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc bài tham khảo.
- HS trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức.

bài viết	
Ý nghĩa của việc nhận thức đúng về hiện tượng thuyết minh	Nhận thức, tác động để thay đổi cuộc sống theo hướng tốt đẹp hơn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội
- HS thực hành các bước để viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm/Yêu cầu cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: + Chọn một trong hai đề bài đã cho + Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:	**II. Thực hành viết** **Cho các đề bài sau:** **Đề 1:** Viết bài văn thuyết minh về phần mềm Chat GPT **Đề 2:** Viết bài văn thuyết minh về trào lưu "flex" trên mạng xã hội. **1. Các bước thực hành viết** **Đề 01**

Các bước	Nội dung	
Chuẩn bị		
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	
	Lập dàn ý	MB
		TB
		KB

Các bước		Nội dung
Chuẩn bị		- Chọn đối tượng thuyết minh: Phần mềm Chat GPT - Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến phần mềm Chat GPT, ghi chép những thông tin cần thiết
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	**Trả lời câu hỏi:** 1. Thực chất của phần mềm Chat GPT là gì? 2. Lựa chọn trình tự nào để giới thiệu về phần mềm Chat GPT? Vd: Nếu triển khai theo cấu trúc nguyên nhân – hệ quả - giải pháp thì cần trả lời những câu hỏi: + Phần mềm Chat GPT ra đời khi nào, từ đâu, do ai, với mục đích gì? + Phần mềm Chat GPT có tác động tích cực hay tiêu cực đối với đời sống? + Sự tác động đó đưa đến những hệ quả gì? + Cần làm gì để phát huy tác động tích cực; xóa bỏ tác động tiêu cực của phần mềm Chat GPT đối với

Viết	
Kiểm tra và chỉnh sửa	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

			cuộc sống con người? 3. Việc thuyết minh về phần mềm Chat GPT có ý nghĩa gì?
	Lập dàn ý	MB	Giới thiệu phần mềm Chat GPT
		TB	**Luận điểm 1.** Thuyết minh về thực chất của phần mềm Chat GPT. **Luận điểm 2.** Thuyết minh về sự ra đời của phần mềm Chat GPT. **Luận điểm 3.** Thuyết minh về sự tác động tích cực và hạn chế của phần mềm Chat GPT **Luận điểm 4:** Thuyết minh về giải pháp phát huy tác động tích cực và xóa bỏ tác động tiêu cực.
		KB	Ý nghĩa của việc thuyết minh về phần mềm Chat GPT.
Viết	- Bài văn được triển khai thành 03 phần: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn. - Bám sát phần Tìm ý và Lập dàn ý để triển khai bài thuyết minh - Lời văn sáng rõ, mạch lạc; dẫn chứng, số liệu phải chính xác, trung thực, có tác dụng làm rõ hiện tượng - Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... Cần chú ý đến các yếu tố biểu cảm, nghị luận: đảm bảo mức độ, liều lượng để tránh làm sai lệch mục đích thuyết minh. - Từ ngữ chính xác, đơn nghĩa, tránh lạm dụng các hình thức tu từ.		
Kiểm tra và chỉnh sửa	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Bổ sung những diễn giải cụ thể, các cứ liệu có liên quan nếu thấy chưa đầy đủ. - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí. - Sửa các diễn đạt.		

Đề 2

Các bước	Nội dung		
Chuẩn bị	- Chọn đối tượng thuyết minh: Trào lưu "flex" - Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến trào lưu "flex", ghi chép những thông tin cần thiết.		
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	**Trả lời câu hỏi:** 1. Thực chất của trào lưu "flex" là gì? 2. Lựa chọn trình tự nào để giới thiệu về trào lưu "flex" Vd: Nếu triển khai theo cấu trúc nguyên nhân – hệ quả - giải pháp thì cần trả lời những câu hỏi: + Nguyên nhân ra đời của trào lưu "flex"? + Trào lưu "flex" có tác động tích cực hay tiêu cực đối với đời sống? + Sự tác động đó đưa đến những hệ quả gì? + Cần làm gì để phát huy tác động tích cực; xóa bỏ tác động tiêu cực của trào lưu "flex" đối với cuộc sống con người? 3. Việc thuyết minh về trào lưu "flex" có ý nghĩa gì?	
	Lập dàn ý	MB	Giới thiệu trào lưu "flex".
		TB	**Luận điểm 1.** Thuyết minh về thực chất của trào lưu "flex". **Luận điểm 2.** Thuyết minh về sự ra đời của trào lưu "flex". **Luận điểm 3.** Thuyết minh về sự tác động tích cực và hạn chế của trào lưu "flex". **Luận điểm 4:** Thuyết minh về giải pháp phát huy tác động tích cực và xóa bỏ tác

			động tiêu cực.
		KB	Ý nghĩa của việc thuyết minh về trào lưu "flex".
	Viết	- Bài văn được triển khai thành 03 phần: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn. - Bám sát phần Tìm ý và Lập dàn ý để triển khai bài thuyết minh - Lời văn sáng rõ, mạch lạc; dẫn chứng, số liệu phải chính xác, trung thực, có tác dụng làm rõ hiện tượng - Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... Cần chú ý đến các yếu tố biểu cảm, nghị luận: đảm bảo mức độ, liều lượng để tránh làm sai lệch mục đích thuyết minh. - Từ ngữ chính xác, đơn nghĩa, tránh lạm dụng các hình thức tu từ.	
	Kiểm tra và chỉnh sửa	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Bổ sung những diễn giải cụ thể, các cứ liệu có liên quan nếu thấy chưa đầy đủ. - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí. - Sửa các diễn đạt.	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Chọn một trong hai đề bài đã cho và viết bài văn hoàn chỉnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc bài viết trước lớp
- HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric.

2. Thực hành viết

Sản phẩm: Bài viết của HS

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

Phụ lục 2:

DÀN Ý THAM KHẢO

Thuyết minh về trào lưu "flex" trên mạng xã hội

1. Mở bài

Lướt mạng xã hội (MXH) gần đây chắc bạn không còn lạ gì cụm từ "Flex" được nhiều dân mạng sử dụng. Vậy "Flex" là gì? Trào lưu "Flex" bắt đầu từ khi nào? Trào lưu đó có ý nghĩa ra sao? Bạn và tôi, chúng ta hãy cùng tìm hiểu về "flex" trên mạng xã hội nhé!

2. Thân bài

a. Luận điểm 1. Thuyết minh về thực chất của trào lưu "flex".

- "Flex" là từ lóng của tiếng Anh được sử dụng rộng rãi từ những năm 1990, chỉ sự phô diễn cơ bắp và sức mạnh của bản thân.

- Trong văn hóa rap - hiphop, các rapper hoặc các fan mê rap dùng từ "Flex" với mục đích khoe khoang, khoe của. Nói cách khác "Flex" là hành động chỉ một người khoe khoang quá mức về vật chất hay thành tựu của bản thân khiến người khác thấy khó chịu.

- Thông qua âm nhạc, từ flex và trào lưu flexing trở nên phổ biến khắp thế giới. Phạm vi sử dụng từ "Flex" đã không còn gói gọn trong cộng đồng rap - hiphop nữa mà mở rộng trên khắp các trang MXH. Bạn sẽ dễ dàng thấy nhiều bài viết "flexing" như chia sẻ những chiếc xe sang trọng, những món thời trang hàng hiệu cao cấp hay những cuốn sổ đỏ có giá trị,… mình sở hữu.

b. Luận điểm 2. Thuyết minh về sự ra đời của trào lưu "flex".

- Có thể coi rapper Ice Cube là người tiên phong trong việc sử dụng từ "flex" với bản rap *Was a good day*. Tiếp đến là các rapper Mỹ cũng dùng trong các ca khúc của mình như: Cardi B, Drake,… Ở Việt Nam, rapper 16 Typh cũng đã sử dụng từ "Flex" trong bài Don't Waste My Time,…

- Ngày nay, trên khắp các tràn MXH, chúng ta dễ dàng bắt gặp các video clip khoe về giá trị của bộ đồ họ đang mặc, hoặc về độ giàu có của gia đình, bạn bè, họ hàng,… Các trend như "Flex giá tiền của món đồ bạn đang sở hữu" hay "rich boy/rich girl check" đã thu hút hàng triệu lượt xem và comment.

c. Luận điểm 3. Thuyết minh về sự tác động tích cực và hạn chế của trào lưu "flex".

- "Flexing" tạo động lực cho nhiều người:

+ Trào lưu "Flexing" mang lại năng lượng tích cực, vui vẻ hơn cho mọi người. Vì đó là khi mỗi cá nhân làm được điều gì đó đặc biệt hay đạt thành tựu, muốn khoe ra cho mọi người thấy. Tại Trung Quốc, sầu riêng được bán với giá khá cao nên loại quả này trở thành món quà "xịn" để mang đi biếu tặng. Chính vì điều này mà nhiều bạn trẻ cho rằng, muốn "flex" thì hãy mua sầu riêng. Từ đây, việc mua sầu riêng để biếu cha mẹ, thể hiện lòng hiếu thảo của các bạn trẻ nơi đây được mọi người "đu" theo, vừa ý nghĩa, lại rất đáng yêu.

+ Bên cạnh sự hài hước, các bài đăng về "flex" còn gây chú ý bởi những pha đáp trả "cực gắt" và vui nhộn, dí dỏm ở phần bình luận. Đây cũng là yếu tố làm cho "flex" được nhiều bạn trẻ quan tâm, hưởng ứng. Theo các bạn trẻ, "Flex" thu hút vì mang lại những câu chuyện hấp dẫn, cho người khác thỏa mãn trí tò mò, đi từ bất ngờ đến ngưỡng mộ, có động lực học hành, làm việc chăm chỉ hơn. Đồng thời, đây chính là nơi các bạn trẻ có thể thoả mãn được nhu cầu được công nhận, tán dương thành tích mà cuộc sống thực đôi khi không thể làm được điều này.

+ "Flex" còn là cơ hội để người trẻ có thể lan toả những điểm sáng của cá nhân, được giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Từ đó tạo nên một bức tranh đa dạng màu sắc với những thành tựu đáng

được ghi nhận, tạo nên nhiều động lực để mọi người cùng nhau cố gắng, xây dựng đời sống bản thân ý nghĩa hơn.
-> Như vậy, nhìn ở góc độ tích cực, "Flexing" tạo động lực cho mọi người phấn đấu để được như "người ta".
- Trào lưu "Flexing" cũng có những điểm hạn chế
+ Flexing vô tình hình thành nên thói quen chạy theo sự hào nhoáng bên ngoài, đôi khi lại là sự chạy theo những giá trị vật chất.
++ Ông Lee Eun Hee - giáo sư khoa học tiêu dùng tại Đại học Inha, Hàn Quốc - nói với *Creatrip*: "Thanh thiếu niên khi thấy hình ảnh cuộc sống xa hoa, những món đồ hiệu xa xỉ trên mạng xã hội sẽ cảm thấy mình cũng phải sở hữu để không thua kém. Điều này đã hình thành thói quen xấu trong giới trẻ khi cho rằng, hàng hiệu là chuẩn mực mình cần tuân theo, cảm thấy tiêu cực khi không sở hữu được chúng".
++ Rapper Hàn Quốc có nghệ danh Sleepy chia sẻ, anh cảm thấy áp lực khi phải chạy theo xu hướng flex, bất chấp những hạn chế về tài chính của mình. Theo đó, trong ngôi nhà thuê của nam rapper này xuất hiện nhiều hóa đơn chưa thanh toán. Bên cạnh đó là chiếc xe sang được một người bạn tặng và chiếc đồng hồ đắt tiền đã ngừng hoạt động từ lâu. Anh thậm chí còn tiết lộ rằng, tài khoản của mình chỉ còn vỏn vẹn 70.000 won (khoảng 1,2 triệu đồng). "Khi đó, các rapper đều flex. Tôi cảm thấy áp lực khi phải đăng tải hình ảnh những món đồ đắt tiền lên mạng xã hội", Sleepy nói.
++ Một bạn sinh viên chia sẻ rằng: "Những ngày đầu tiên khi xuất hiện trào lưu “flex” thì mình cảm thấy vui. Nhưng gần đây, đi khắp các fanpage, group đâu đâu cũng thấy các bài flex khoe mẽ quá đà. Mình biết là công sức, thành quả từ sự cố gắng của các bạn nhưng việc đem nó khoe mẽ lên trên mạng và xem nhẹ những thành quả thấp hơn là không được. Ví dụ như việc coi thường việc trúng tuyển vào NEU rồi khoe mình được tuyển thẳng vào trường A trường B. Chính những điều đấy làm mình thấy trào lưu này không còn vui. Việc bạn đạt được kết quả cao không có nghĩa là bạn được quyền coi thường kết quả kì vọng của người khác”. Một bạn khác cũng bày tỏ: “Khi đọc những bài viết ấy, ban đầu mình thấy vui, ngưỡng mộ họ. Sau đó, mình thấy có chút quan ngại vì một trong năm điều Bác dạy là “Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm”. Mình hy vọng đó chỉ là những giây phút vui vẻ của họ trên mạng thôi”.
+ Bên cạnh đó Flex đang bị lạm dụng, nhiều người biến tướng trào lưu này bằng việc sử dụng thông tin, hình ảnh không đúng sự thật. Họ lợi dụng flex để tung thông tin giả, ảnh hưởng tiêu cực đến người khác. Thậm chí, nhiều đối tượng còn giả mạo hình ảnh của người khác để lừa đảo.
Luận điểm 4: Thuyết minh về giải pháp phát huy tác động tích cực và xóa bỏ tác động tiêu cực.
- "Flex" mang tính tích cực, nhân văn là điều thiết nghĩ nên có. "Khi tiếp cận "flex" các bạn phải sáng suốt và tỉnh táo, tránh chạy theo trend một cách thiếu kiểm soát.
- Nên "flex" về hành trình bạn nỗ lực, phấn đấu đạt được điều gì đó để truyền cảm hứng, động lực cho người khác.
- Có thể che những thông tin cá nhân quan trọng trước khi đăng tải".
- Cần học cách xử lý thông tin thông minh và nhìn nhận đa chiều vấn đề, bởi đôi khi những điều bạn cảm nhận từ "flex" chỉ là bề nổi về một ai đó".
3. Kết bài

Tìm hiểu về "Flex" là điều cần thiết để từ đó giúp mỗi chúng ta cần có cách nhìn nhận tích cực về trào lưu "Flex" hay "Flexing".

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

b. Nội dung: Viết bài thuyết minh về một hiện tượng đời sống của giới trẻ hiện nay tại trường hoặc địa phương em.

c. Sản phẩm: Bài thuyết minh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ:

- Lựa chọn một hiện tượng đời sống của giới trẻ tại trường hoặc ở địa phương em và viết một bài văn thuyết minh về hiện tượng đó. Yêu cầu:

+ Hiện tượng thực tế đang diễn ra

+ Dung lượng: Không quá 500 từ

+ Có sử dụng tranh, ảnh minh họa.

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường.

- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 77

THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một vấn đề trong đời sống, phù hợp lứa tuổi để thảo luận, tranh luận
- HS biết đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân và biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề trong đời sống mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://youtu.be/w1GllzThc7Q	HS thể hiện quan điểm cá nhân

- Đoạn video nói về điều gì? - Quan điểm của em như thế nào về nội dung của đoạn video? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Từ tháng 11/2022, sự xuất hiện của một ứng dụng mới có tên gọi Chat GPT - một Chatbot được mệnh danh là trí tuệ nhân tạo (AI) thông minh nhất thế giới do công ty khởi nghiệp OpenAI phát triển làm giới công nghệ trên toàn thế giới quan tâm và đã thu hút số lượng lớn người dùng. Với ứng dụng Chat GPT, thay vì tìm kiếm thông tin trên Google, người dùng sẽ tương tác trực tiếp như với người thật. Điểm đặc biệt của ứng dụng này là kho kiến thức khổng lồ được hoàn thiện mà Chat GPT đã học và thu thập được. Vậy quan điểm của em như thế nào về phần mềm Chat GPT này? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được bày tỏ, bảo vệ quan điểm của cá nhân mình!	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài học thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống:

- Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.
- Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm)
- Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)
- Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định
- HS lắng nghe: hiểu được yêu cầu, chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tâm thế, tư liệu) để lắng nghe, phản hồi, trao đổi.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị thảo luận, tranh luận và vận dụng vào một đề tài cụ thể.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; Quá trình thảo luận, tranh luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) ***Nhiệm vụ 1: Lựa chọn đề tài**	**I. CHUẨN BỊ THẢO LUẬN, TRANH LUẬN** **1. Lựa chọn đề tài**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu các nhóm HS chọn 01 trong 02 đề tài trên. Đảm bảo có ít nhất 02 nhóm chung một đề tài.

Bước 2 +3. Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ

HS trao đổi lựa chọn, báo cáo đề tài đã chọn với GV

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt đề tài của các nhóm

Cho các đề tài sau:

Đề tài 1: Chat GPT – ngày tàn của nhân loại?

Đề tài 2: Flex trong giới trẻ: Nên hay không nên?

Đề tài	Nhóm
Đề tài 1: Chat GPT – ngày tàn của nhân loại?	
Đề tài 2: Flex trong giới trẻ: Nên hay không nên?	

***Nhiệm vụ 2: Tìm ý và sắp xếp ý**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc phần hướng dẫn trong SGK tr57, kết hợp với dàn ý xây dựng đã trong giờ học trước, tìm ý và sắp xếp ý theo bảng kiến thức.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chưa chốt kiến thức

2. Tìm ý và sắp xếp ý

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Đề tài thảo luận	
Bản chất của vấn đề thảo luận	
Những khía cạnh quan trọng của vấn đề	
Quan điểm như thế nào về vấn đề?	
Các lí lẽ đưa ra để bảo vệ quan điểm	
Cơ sở thực tế để bảo vệ quan điểm	
Có thể xuất hiện những ý kiến trái ngược nào về vấn đề? Có thỏa đáng không? Cần trao đổi lại như thế nào?	

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Em hãy đọc SGK tr58 và cho biết cuộc thảo luận, tranh luận của chúng ta trải qua những bước nào?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân, đọc SGK.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày, HS khác lắng nghe, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.

* Tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sông.

II. CÁC BƯỚC THẢO LUẬN, TRANH LUẬN

- **Bước 1.** Cử người chủ trì và người chủ trì giới thiệu vấn đề đời sống đã được chọn làm đề tài thảo luận, tranh luận.
- **Bước 2.** Người chủ trì căn cứ vào tín hiệu đăng kí phát biểu, chỉ định nhóm/ người đại diện nhóm trình bày ý kiến.
- **Bước 3.** Nhóm/ người đại diện được chỉ định trình bày quan điểm của nhóm
- **Bước 4.** Thảo luận/tranh luận: Các nhóm có cùng đề tài bày tỏ quan điểm. Có thể đi theo các hướng:

- Vấn đề thảo luận: *+ Nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi cá nhân đối với cộng đồng và quốc gia.* *+ Xây dựng lối sống có ích cho xã hội.*	+ Đồng tình với quan điểm và có sự đồng nhất về các lí lẽ, dẫn chứng + Đồng tình với quan điểm và bổ sung thêm lí lẽ, dẫn chứng. + Đồng tình với quan điểm, nhưng vẫn muốn đặt ra câu hỏi về lí lẽ, dẫn chứng trong bài trình bày. + Không đồng tình với quan điểm. Đưa ra ý kiến trái ngược lại của nhóm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành quá trình thảo luận/ tranh luận về một vấn đề trong đời sống

b. Nội dung: Thảo luận/ tranh luận về 02 vấn đề đặt ra trong giờ học

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh; quá trình thảo luận/ tranh luận

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu yêu cầu: Các nhóm chuẩn bị để bắt đầu đến cuộc thảo luận, tranh luận của chúng ta.
- Cử HS làm chủ trì quá trình thảo luận, tranh luận
- Nhóm cử HS đại diện.
- Quá trình nhóm bạn trình bày, các nhóm khác lắng nghe và ghi lại phần trình bày của nhóm bạn theo bảng kiến thức:
<table>
<tr><th>Vấn đề cần tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th><th>Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)</th></tr>
<tr><td>Đề tài thảo luận</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Bản chất của vấn đề thảo luận</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Những khía cạnh quan trọng của vấn đề</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Quan điểm như thế nào về vấn đề?</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các lí lẽ đưa ra để bảo vệ quan điểm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Cơ sở thực tế để bảo vệ quan điểm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?
.....
.....</td></tr>
</table>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm rà soát nội dung
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV lựa chọn HS làm MC cho cuộc thảo luận
- Đại diện các nhóm/cá nhân trình bày dưới sự
</td><td>
III. THỰC HÀNH THẢO LUẬN, TRANH LUẬN
1. Bước 1. Cử người chủ trì
2. Bước 2. Người chủ trì giới thiệu đại diện các nhóm trình bày
3. Bước 3. Đại diện các nhóm trình bày
a. Người nói
- Trình bày quan điểm của nhóm
- Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...
b. Người nghe
- Lắng nghe, ghi chép theo bảng kiến thức
- Tôn trọng người trình bày.
4. Bước 4. Thảo luận/ tranh luận
- Người nghe (đại diện các nhóm) đưa ra ý kiến, đặt ra câu hỏi
- Người trình bày trả lời các câu hỏi, bảo vệ quan điểm của nhóm
- Đánh giá, kiểm tra và chỉnh sửa
+ Phiếu đánh giá bài thuyết trình và quá trình nói, thảo luận/tranh luận (Phụ lục 1)
+ Phiếu đánh giá và kiểm tra quá trình nghe, thảo luận/tranh luận (Phụ lục 2)
</td></tr>
</table>

chủ trì của MC. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, việc thực hiện nhiệm vụ của nhóm trưởng, thư kí. Đánh giá các nhóm theo rubric.	

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	BÀI THUYẾT TRÌNH		
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
	2.1. Ý nghĩa của vấn đề đời sống được thảo luận, tranh luận		
	2.2. Chất lượng của các ý kiến được trình bày (làm rõ đươc bản chất vấn đề, quan điểm riêng, việc huy động lí lẽ và dẫn chứng,...)		
	QUÁ TRÌNH NÓI		
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	Khả năng tương tác trong thảo luận, tranh luận.		
6	Tinh thần tham gia thảo luận, tranh luận của các thành viên khác trong nhóm.		
7	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:.....		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE		
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa		

4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:.....		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội và biết giới thiệu và thảo luận/ tranh luận về một vấn đề xã hội; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 sự vật hoặc một hiện tượng trong đời sống xã hội

+ Viết bài văn thuyết minh về sự vật hoặc hiện tượng trong đời sống đã chọn.

+ Sáng tác 01 video giới thiệu về 01 sự vật hoặc hiện tượng mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình thuyết minh phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm lí lẽ, dẫn chứng hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận, tranh luận theo phiếu thảo luận, tranh luận

PHIẾU THẢO LUẬN, TRANH LUẬN

Nhóm: .....

Video được xem để thảo luận, tranh luận:.....

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời	Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)
Đề tài thảo luận		
Bản chất của vấn đề thảo luận		
Những khía cạnh quan trọng của vấn đề		
Quan điểm như thế nào về vấn đề?		
Các lí lẽ đưa ra để bảo vệ quan điểm		
Cơ sở thực tế để bảo vệ quan điểm		

Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?
.....
.....

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.
+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.
+ Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.
+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 7)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 3 nhóm thảo luận 3 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Nêu những dấu hiệu để có thể nhận biết các yếu tố trữ tình trong ba văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông?, "Và tôi vẫn muốn mẹ.", “Cà Mau quê xứ”.

Câu 2. Cho đề bài:

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường nhận thấy dòng sông Hương “không bao giờ tự lặp mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ”. Hãy phân tích sự độc đáo trong cảm hứng của chính tác giả về sông Hương qua đoạn trích Ai đã đặt tên cho dòng sông?

a. Lập dàn ý cho bài viết.

b. Chọn hai ý và triển khai thành hai đoạn văn có liên kết với nhau.

Câu 3. Cho đề tài:

Để thành công, dứt khoát phải dựa vào nội lực, không cần sự hỗ trợ từ bên ngoài.

a. Chuẩn bị nội dung thảo luận, tranh luận về đề tài trên.

b. Tổ chức tập thảo luận, tranh luận trên cơ sở nội dung đã chuẩn bị.

Câu 4. Chọn ba văn bản thuộc các thể loại tùy bút, tản văn, truyện kí,... mà bạn yêu thích; đọc, chỉ ra và phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật của từng văn bản.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1.

Nội dung	**Văn bản**		
	Ai đã đặt tên cho dòng sông?	"Và tôi vẫn muốn mẹ..."	Cà Mau quê xứ
Dấu hiện nhận biết yếu tố trữ tình	- Vẻ đẹp thiên tính nữ của dòng sông Hương. - Sự quý trọng, niềm yêu mến và ngợi ca vẻ đẹp của sông Hương, về những đóng góp, cống hiến của nó cho thành phố tươi đẹp. - Ngôn từ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, thấm đượm chất thơ; giọng văn nhẹ nhàng, chậm rãi; đan cài các câu thơ trong văn bản; sự kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa cùng các hình ảnh liên tưởng đẹp, giàu cảm xúc.	- Khung cảnh đẹp ở Mô-đô-vi-a: xung quanh là nhà thờ. Những ngôi nhà thấp, nhà thờ thì cao. - Tình cảm của một người con chịu nhiều khổ cực, bất hạnh từ một tuổi thơ chiến tranh, phải rời xa cha mẹ, những người thân yêu dấu, để rồi khi đã lớn lên, có được hạnh phúc cho riêng mình rồi vẫn không ngừng nhớ mong được gặp mẹ của mình. - Ngôn từ giản dị, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc. Giọng kể nhẹ nhàng. Lời kể không còn là lời "nguyên bản" của người kể chuyện mà lời kể có tính nghệ thuật, được nhà văn sáng tạo	- Vẻ đẹp độc đáo tươi mới của khung cảnh và cuộc sống con người ở quê xứ Cà Mau. - Thái độ, tình cảm của nhân vật *tôi* dành cho Cà Mau: Khao khát được đến Đất Mũi Cà Mau để thỏa nỗi "khát thèm hạt phù sa ròng ròng tươi mới". Xúc động khi rời xa: "Mang theo cái nhìn lánh đen như than đước của cô gái không tên gặp ở Năm Căn, than đước không có khói nhưng "mắt tôi chợt cay nhòe". Bồi hồi xúc động trước những kiều bày tỏ niềm xúc động của mọi người với xứ Cà Mau "Người ôm cây cột mốc ...". Yêu mến từng khung cảnh của Đất Mũi Cà Mau - Là những câu văn giản dị, gần gũi của Trần Tuấn khi viết về thiên nhiên, cảnh vật và con người nơi Đất

			Mũi giản dị, thân thương…

Câu 2:

a. Dàn ý

*** Mở bài:**

- Giới thiệu về dòng sông Hương
- Dẫn vào nhận định của nhà văn về dòng sông: Sông Hương "không bao giờ tự lặp mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ".
- Giới thiệu: **Ai đã đặt tên cho dòng sông?** của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

*** Thân bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:
- Giải thích nhận định: Sông Hương "không bao giờ tự lặp mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ".

+ Biện pháp nhân hóa: "không bao giờ tự lặp mình" -> sông Hương trở thành một sinh thể luôn biết làm mới tâm hồn và dáng vẻ của chính mình.

+ Nhận định đã khẳng định: Sông Hương luôn biết tự làm đẹp mình và trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo vô tận với các nghệ sĩ.

- Phân tích, chứng minh: Sông Hương là nguồn cảm hứng vô tận

+ Sông Hương trong cảm hứng của Hoàng Phủ Ngọc Tường: Vẻ đẹp phong phú, đa dạng, mang đậm thiên tính nữ.

++ Vẻ đẹp của sông Hương nơi thượng nguồn

Dữ dội, cuồn cuộn

Phóng khoáng và man dại như cô gái Di-gan

→ Đó là vẻ đẹp của một dòng sông nguyên thủy, mang theo sự hung hãn, hoang dại của tự nhiên như một con thú chưa được thuần hóa.

++ Vẻ đẹp của sông Hương khi chảy qua vùng đồng bằng

Sông Hương như một thiếu nữ nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại

Sông Hương uốn lượn, quanh co mềm mại như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới tương lai.

→ Sông Hương đã chuyển mình từ vẻ đẹp mạnh mẽ, dữ dội của tự nhiên sang vẻ đẹp thướt tha, duyên dáng của người thiếu nữ.

++ Vẻ đẹp của sông Hương khi chảy vào lòng thành phố

"Sông Hương vui tươi hẳn lên…đông bắc" → nhà văn cảm nhận sông Hương như một thực thể sống động, có niềm vui, tâm trạng khi tìm lại được chính mình

"Chiếc cầu trắng… lời của tình yêu". → vẻ đẹp thoát tục của sông Hương và cầu Tràng Tiền được miêu tả qua nghệ thuật so sánh tài hoa.

"Không giống như sông Xen…yêu quý của mình" → niềm tự hào của tác giả khi so sánh sông Hương với các con sông nổi tiếng trên thế giới.

Sông Hương chảy chậm, điệu chảy lững lờ như quá yêu thành phố của mình

→ Đó là vẻ đẹp của một dòng sông thơ mộng, mang trong mình những cảm xúc lạ thường, lưu luyến khó quên khi bước vào thành phố.

+ Sông Hương trong cảm hứng của các nhà thơ: Vẻ đẹp phong phú, đa dạng

++ Trong cảm hứng của Nguyễn Du:

++ Trong cảm hứng của Cao Bá Quát

++ Trong cảm hứng của Bà Huyện Thanh quan

++ Trong cảm hứng của Tản Đà

++ Trong cảm hứng của Tố Hữu

- Nghệ thuật:

+ Tác giả sử dụng trình tự kể từ xa đến gần

+ Sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ…

*** Kết bài**

- Khẳng định lại vẻ đẹp của dòng sông Hương qua cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường

- Khẳng định lại nhận định của tác giả về dòng sông Hương.

b.

- Ý 1: Vẻ đẹp của sông Hương nơi thượng nguồn

Sông Hương là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác. So sánh sông Hương với bản trường ca đã khiến dòng sông hiện ra với cả chiều dài, chiều rộng đầy hùng vĩ cùng với dòng chảy mãnh liệt trong niềm ngưỡng mộ và sự say mê của nhà văn. Bởi lẽ bản trường ca là áng văn có dung lượng lớn mang đậm cảm hứng ngợi ca, còn rừng già lại là hình ảnh của những cánh rừng đại ngàn, hoang sơ, bí ẩn, mênh mông. Câu văn dài với nhiều vế như đã gợi ra cái dư vang của trường ca, cái âm vang của rừng già, cái miên viễn bất biến của sông Hương "từ ngàn năm nay". Không dừng lại miêu tả trực tiếp nhà văn còn dùng phép nhân hóa khiến dòng sông được nhìn như một cô gái di gan phóng khoáng và man dại với tâm hồn tự do, trong sáng, với bản lĩnh gan dạ. Đây là một liên tưởng thú vị, độc đáo. Những cô gái Bô-hê-miêng với tính cách mạnh mẽ, phóng túng, xinh đẹp, bí ẩn yêu thích ca hát, ưa thích cuộc sống tự do. Nhân hóa sông Hương thành cô gái Di gan, Hoàng Phủ đã khắc vào tâm trí bạn đọc ấn tượng mạnh về vẻ đẹp hoang dại nhưng cũng đầy tình tứ của dòng sông. Sông Hương ngày càng trở nên quyến rũ và đắm say. Không những thế, vẻ đẹp của sông Hương còn là vẻ đẹp của một "người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở". Với cái nhìn đó, HP đã giúp người đọc có thêm một góc nhìn, một sự hiểu biết về vẻ đẹp, sự hùng vĩ man dại đầy chất thơ của sông Hương. Và đặc biệt, HP còn như muốn ghi công sông Hương như một "đấng sáng tạo" đã góp phần tạo nên, gìn giữ, bảo tồn văn hóa của một vùng thiên nhiên xứ sở. Lâu nay ta mới chỉ nhìn sông Hương ở vẻ đẹp bên ngoài của nó mà không biết rằng sông Hương chính là khởi nguồn cho một không gian văn hóa – văn hóa Huế.

- Ý 2: Vẻ đẹp của sông Hương khi chảy qua cánh đồng Châu Hóa.

Vẻ đẹp đa dạng, phong phú của sông Hương còn được thể hiện rất rõ khi sông Hương chảy qua cánh đồng Châu Hóa. Trong cảm nhận của HPNT sông Hương giống như "người gái đẹp nằm ngủ mơ màng" đang chờ người tình mong đợi đến đánh thức dậy. Sông Hương mang trong mình vẻ đẹp mơ màng nhuốm màu cổ tích. Sông Hương giống như nàng công chúa đang chìm trong giấc ngủ dài hàng thế kỉ nơi rừng sâu để chờ đợi chàng hoàng tử của đời mình đến đánh thức dậy. Thế nhưng, dù mơ màng là vậy, chỉ cần ra khỏi vùng rừng núi sông Hương đã

bừng tỉnh, vươn mình ra khỏi vùng núi thâm u, trầm mặc bừng thức sức sống trẻ trung nhiệt huyết và niềm khao khát thanh xuân, bởi hành trình về xứ Huế của sông Hương là "một cuộc tìm kiếm có ý thức", là hành trình trở về bên người tình mà sông Hương mong đợi. Nếu dưới góc nhìn địa lý, sông Hương chỉ là một dòng chảy tự nhiên phải chuyển dòng liên tục do đặc điểm địa lý thì dưới góc nhìn của tình yêu, hành trình về Huế của sông Hương là một "cuộc tìm kiếm có ý thức" để đến với tình yêu của đời mình. Sông Hương giống như nàng Kiều tìm đến với Kim Trọng trong đêm tình tự. Để rồi từ đó, hành trình trở về với xứ Huế là "cái cớ" để sông Hương phô khoe tất cả các vẻ đẹp từ những đường cong tuyệt mỹ trên thân hình mềm mại, kiều diễm cho đến những yếm âu, nồng nàn trong tâm hồn của người con gái đang khao khát đắm say.

Câu 3:

a. Chuẩn bị nội dung thảo luận

*** Giải thích nhận định trên và đưa ra quan điểm**

- Nội lực là gì? Nội lực là những yếu tố thuộc về bản thân con người. Chúng ta có thể kể đến các yếu tố nội lực như tài năng, kiến thức, kỹ năng, hiểu biết… thuộc về một cá nhân nào đó.
- Sự hỗ trợ từ bên ngoài là yếu tố để chỉ những ảnh hưởng từ bên ngoài như hoàn cảnh, cơ hội,…

→ Nhận định trên khẳng định: yếu tố thuộc về bản thân mỗi con người có vai trò quyết định sự thành công. Nhận định đã đề cao nội lực của mỗi cá nhân con người.

- Quan điểm của bản thân: Có thể chọn một trong ba:

+ Đồng tình

+ Hoặc không đồng tình

+ Hoặc đồng tình một phần

*** Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm. Căn cứ vào quan điểm của bản thân để đưa ra lí lẽ, dẫn chứng hợp lí.**

VD. Theo hướng không đồng tình.

+ Theo nhận định trên, chỉ có yếu tố nội lực mới đi đến thành công, tức là người ta đang coi trọng sức mạnh của bản thân hơn những yếu tố khác và đó là cái nhìn sai lệch, có phần phiến diện.

+ Để thành công, yếu tố ngoại lực cũng là rất quan trọng. Đôi khi chúng ta sẽ không thể thành công nếu không có sự giúp đỡ của người khác. Ví dụ: trong một tập thể, một cá nhân tài giỏi sẽ không thể mang lại kết quả tốt cho tất cả các công việc mà cần phải có sự góp sức của các thành viên khác trong nhóm, sự giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau sẽ giúp họ ngày càng thành công hơn.

+ Bởi vậy, thành công sẽ không đến từ một phía mà nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nội lực sẽ là yếu tố chính và ngoại lực sẽ là một phần không thể thiếu.

+ Hậu quả của việc coi yếu tố nội lực là duy nhất để thành công: Bản thân trở lên ích kỷ, hẹp hòi; Không nhận được sự tín nhiệm của người khác; Không thể làm nên nghiệp lớn; Không thể đạt được kết quả tốt nhất trong mọi việc.

b. Tổ chức thảo luận (tổ chức như giờ Nói và nghe)

* Người trình bày
- Trình bày quan điểm của nhóm
- Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...
* Người nghe
- Lắng nghe, ghi chép theo bảng kiến thức
- Tôn trọng người trình bày.
* Thảo luận/ tranh luận
- Người nghe (đại diện các nhóm) đưa ra ý kiến, đặt ra câu hỏi
- Người trình bày trả lời các câu hỏi, bảo vệ quan điểm của nhóm
* Đánh giá, kiểm tra và chỉnh sửa

Câu 4.

1. Tùy bút *Người lái đò sông Đà*, Nguyễn Tuân

- Tùy bút Người lái đò Sông Đà đã thể hiện rõ những nét đặc sắc nghệ thuật trong lối viết tùy bút.

+ Tác giả đã miêu tả Sông Đà bằng những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị. Từ ngữ trong bài tùy bút thật phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.

+ Câu văn của tác giả rất đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình. Con Sông Đà vô tri, dưới ngòi bút của nhà văn đã trở thành một sinh thể có tâm hồn, tâm trạng.

+ Xây dựng hình tượng Sông Đà hai vẻ đẹp: vừa hùng vĩ, hung bạo, vừa thơ mộng, trữ tình. Nét độc đáo trong việc miêu tả con sông Đà là vừa có khi vừa thể hiện mặt hung dữ, vừa gợi lên khía cạnh thơ mộng của đối tượng miêu tả, vừa lại như ném ra những chi tiết rất tự nhiên, không trau chuốt (con sông đánh đòn hiểm độc nhất với con đò) vừa chắt lọc những chi tiết, những hình ảnh rất trữ tình, rất thơ (ven Sông Đà lặng tờ). Xây dựng hình tượng ông lái đò với vẻ đẹp của lòng dũng cảm, mưu trí; vẻ đẹp của một nghệ sĩ tài hoa.

+ Vận dụng tri thức của nhiều ngành văn hóa nghệ thuật khác nhau về đối tượng sáng tác để tạo hình tượng: Con Sông Đà hung bạo và những trận thủy chiến của ông lái đò được ghi lại bằng kiến thức của văn chương, hội họa, điện ảnh, địa lí, lịch sử, quân sự, võ thuật.

+ Ngôn ngữ trong tác phẩm: Từ ngữ được sử dụng sắc sảo in đậm dấu ấn riêng. Ngữ nghĩa, ngữ điệu biến đổi, chuyển hóa: sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ, nắng giòn tan, nỗi niềm cổ tích tuổi xưa, để thơ vào sông nước… Tác giả còn sáng tạo những từ ngữ mới, cô đọng, giàu ý nghĩa: luôn gân, luôn tim, bờm sóng… Câu văn rất đỗi ngắn gọn phối hợp với câu thật dài: đoạn tả chặng cuối vượt vòng vây thứ ba, đang viết câu chất chồng ý (… Cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền… xuyên nhanh, vừa xuyên vừa…), đã kết lại bằng một câu rất gọn, biểu thị ý hoàn thành: Thế là hết thác.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 8: Cấu trúc của văn bản thông tin

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....